

Số: *115* /QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày *28* tháng *4* năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng giấy khen cho sinh viên hình thức chính quy
đạt danh hiệu thi đua năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 2257/QĐ-ĐHTCM ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy định Công tác sinh viên hệ chính quy tại Trường;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-ĐHTCM ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên hình thức chính quy của Trường;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện năm 2022 của sinh viên và Thông báo số 799/TB-ĐHTCM ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về kết luận của Chủ tịch hội đồng tại cuộc họp xét khen thưởng danh hiệu sinh viên xuất sắc nhất Khoa/Viện và danh hiệu sinh viên năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng giấy khen cho **1.264** sinh viên hình thức chính quy đạt danh hiệu thi đua năm 2022, cụ thể như sau:

- Loại Giỏi: 1.180 sinh viên;
- Loại Xuất sắc: 84 sinh viên.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Căn cứ danh sách sinh viên tại Điều 1, Phòng Công tác sinh viên có trách nhiệm in giấy khen. Các Khoa quản lý sinh viên, Viện Đào tạo quốc tế chịu trách nhiệm trao giấy khen của Nhà trường cho sinh viên.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) trưởng các Khoa: Công nghệ Thông tin, Du lịch, Kế toán – Kiểm toán, Kinh tế – Luật, Marketing, Ngoại ngữ, Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Thẩm định giá – Kinh doanh bất động sản, Thuế – Hải quan, Thương mại; Viện Đào tạo quốc tế; Đoàn thanh niên; các Phòng: Công tác sinh viên, Kế hoạch – Tài chính, Thanh tra giáo dục, Quản lý đào tạo, Khảo thí – Quản lý chất lượng và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *V*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, CTSV. *h*

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Lê Trung Đạo

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC TẶNG GIẤY KHEN
DANH HIỆU THI ĐUA NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 1115 /QĐ-ĐHTCM ngày 28 / 4 /2023)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
I	Khoa Công nghệ thông tin								
1	1921006881	Nguyễn Hứa Phương	Tuyên	19DTK1	3,59	95,33	35	Giỏi	
2	1921006705	Dương Quang	Huy	19DTK1	3,55	87,00	33	Giỏi	
3	1921006779	Nguyễn Phương	Nhi	19DTK1	3,36	84,00	38	Giỏi	
4	1921006688	Trần Thị Thiên	Hào	19DTK1	3,26	94,67	33	Giỏi	
5	1921002849	Nguyễn Thị Yên	Như	19DTK2	3,53	81,67	35	Giỏi	
6	1921006726	Nguyễn Ngọc	Linh	19DTK2	3,40	94,00	36	Giỏi	
7	1921006753	Phạm Thị Hồng	Ngân	19DTK2	3,37	86,00	33	Giỏi	
8	1921006746	Phan Thúy	Nga	19DTK2	3,26	87,00	33	Giỏi	
9	1921006885	Lê Đoàn Bội	Uyên	19DTH1	3,58	91,67	35	Giỏi	
10	1921006809	Lê Thị Huỳnh	Sang	19DTH1	3,30	80,33	33	Giỏi	
11	1921006825	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19DTH2	3,42	88,00	33	Giỏi	
12	1921006861	Lê Thị Huyền	Trang	19DTH2	3,34	82,33	33	Giỏi	
13	1921006795	Đoàn Thị Kim	Oanh	19DTH2	3,32	84,33	35	Giỏi	
14	1921006681	Nguyễn Thị Tuyết	Hà	19DTH2	3,29	84,00	33	Giỏi	
15	1921006898	Nguyễn Nhật Long	Vũ	19DTH3	3,47	91,33	35	Giỏi	
16	1921006862	Lê Thị Thùy	Trang	19DTH3	3,32	84,33	33	Giỏi	
17	1921006744	Trương Hữu Hoàng	Nam	19DTH3	3,29	88,67	33	Giỏi	
18	1921006666	Phạm Thúy	Diễm	19DTH3	3,29	80,67	38	Giỏi	
19	2021010272	Phạm Như	Quỳnh	20DTK2	3,63	90,33	36	Xuất sắc	
20	2021010299	Lê Thị Ngọc	Thúy	20DTK2	3,33	84,00	33	Giỏi	
21	2021010310	Trần Thị Hà	Thư	20DTK2	3,26	87,00	36	Giỏi	
22	2021010358	Nguyễn Thị Khải	Vy	20DTH1	3,70	95,67	38	Xuất sắc	
23	2021010098	Đặng Châu	Anh	20DTH1	3,55	93,33	33	Giỏi	
24	2021010133	Nguyễn Thị Trà	Giang	20DTH1	3,42	83,67	35	Giỏi	
25	2021010336	Huỳnh Thanh	Tuyền	20DTH1	3,41	83,67	35	Giỏi	
26	2021010100	Hán Thị Vân	Anh	20DTH1	3,31	90,33	35	Giỏi	
27	2021010247	Phạm Thị Kiều	Oanh	20DTH1	3,29	80,67	35	Giỏi	
28	2021010155	Trương Đỗ Xuân	Hoa	20DTH1	3,25	93,33	35	Giỏi	
29	2021010222	Nguyễn Thị	Nguyệt	20DTH1	3,25	86,33	41	Giỏi	
30	2021010129	Dương Thị Nhật	Đông	20DTH1	3,23	80,33	35	Giỏi	
31	2021010111	Nguyễn Hoàng Thanh	Ân	20DTH2	3,61	97,33	38	Xuất sắc	
32	2021010309	Trần Minh	Thư	20DTH2	3,61	93,33	35	Xuất sắc	
33	2021010112	Nguyễn Chí	Bảo	20DTH2	3,61	89,00	35	Giỏi	
34	2021001023	Võ Thị Thu	Trang	20DTH2	3,55	86,33	35	Giỏi	
35	2021010101	Nguyễn Phùng Vân	Anh	20DTH2	3,51	81,67	35	Giỏi	
36	2021010109	Nguyễn Ngọc	Ánh	20DTH2	3,31	85,00	35	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
37	2021010354	Đỗ Tường	Vy	20DTH3	3,59	89,67	35	Giỏi	
38	2021010232	Nguyễn Thị	Nhi	20DTH3	3,37	85,67	38	Giỏi	
39	2021005915	Chung Ngọc	Hân	20DTH3	3,37	85,00	35	Giỏi	
40	2021010115	Bùi Nguyễn Bình	Chân	20DTH3	3,23	93,00	35	Giỏi	
41	2021010159	Phạm Thị	Hồng	20DTH3	3,21	84,33	35	Giỏi	
42	2121012813	Huỳnh Anh	Thư	21DTK1	3,41	95,00	40	Giỏi	
43	2121011568	Lê Đặng Thùy	Trinh	21DTK1	3,32	90,33	40	Giỏi	
44	2121012450	Nguyễn Trịnh Phương	Quyên	21DTK2	3,46	90,00	40	Giỏi	
45	2121005124	Ngô Quốc	Bảo	21DTK2	3,42	90,33	40	Giỏi	
46	2121013485	Đào Thị Hồng	Nhung	21DTK2	3,22	86,00	40	Giỏi	
47	2121011817	Nguyễn Kiều	Oanh	21DTH1	3,56	91,00	40	Giỏi	
48	2121005087	Tưởng Xuân	Khoa	21DTH1	3,53	95,00	40	Giỏi	
49	2121013019	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	21DTH1	3,52	90,00	40	Giỏi	
50	2121001022	Trần Thị	Xuân	21DTH1	3,45	93,00	33	Giỏi	
51	2121005293	Nguyễn Thị Lâm	Băng	21DTH1	3,37	91,00	40	Giỏi	
52	2121011726	Ngô Kim	Ngân	21DTH1	3,36	91,67	40	Giỏi	
53	2121000970	Đoàn Công	Khải	21DTH1	3,31	93,00	40	Giỏi	
54	2121000975	Nguyễn Minh	An	21DTH1	3,31	92,00	40	Giỏi	
55	2121005104	Nguyễn Thị Thu	Hồng	21DTH1	3,29	94,00	37	Giỏi	
56	2121005069	Võ Thị Thúy	Quyên	21DTH1	3,23	91,00	40	Giỏi	
57	2121012536	Võ Thị Thùy	Nhiên	21DTH1	3,20	88,67	40	Giỏi	
58	2121001008	Nguyễn Trà	Giang	21DTH2	3,65	91,00	40	Xuất sắc	
59	2121012315	Phan Anh	Đào	21DTH2	3,60	92,00	40	Xuất sắc	
60	2121012043	Nguyễn Khánh	Vân	21DTH2	3,58	80,33	40	Giỏi	
61	2121005137	Phan Ngọc Thủy	Trúc	21DTH2	3,54	91,67	40	Giỏi	
62	2121013171	Nguyễn Thị	Minh	21DTH2	3,49	93,00	34	Giỏi	
63	2121005132	Nguyễn Trung	Kiên	21DTH2	3,48	94,00	40	Giỏi	
64	2121005273	Hoàng Thị Khánh	Chi	21DTH2	3,41	91,00	40	Giỏi	
65	2121013034	Võ Thị Kim	Huệ	21DTH2	3,40	92,00	40	Giỏi	
66	2121012714	Trần Thanh	Huyền	21DTH2	3,37	81,67	40	Giỏi	
67	2121012984	Trần Văn	Thống	21DTH2	3,35	83,00	37	Giỏi	
68	2121005122	Trần Trương Trúc	Quỳnh	21DTH2	3,34	91,67	40	Giỏi	
69	2121000965	Nguyễn Mỹ	Hào	21DTH2	3,32	91,00	40	Giỏi	
70	2121013528	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	21DTH2	3,29	91,00	40	Giỏi	
71	2121012834	Lê Yến	Nhi	21DTH2	3,29	88,33	40	Giỏi	
72	2121005079	Trương An	Nhiên	21DTH2	3,28	92,00	40	Giỏi	
73	2121012612	Nguyễn Thị Lê	Ngân	21DTH2	3,24	92,00	40	Giỏi	
74	2121005193	Dương Ngọc Như	Ý	21DTH2	3,21	92,33	40	Giỏi	
75	2121012395	Trần Cẩm	Tuyến	21DTH2	3,21	91,33	40	Giỏi	
76	2121010318	Trần Duy	Bảo	21DTH2	3,20	91,67	40	Giỏi	
77	2121013521	Bùi Minh	Bách	21DTH3	3,44	86,00	40	Giỏi	
78	2121005088	Lê Nguyễn Hoàng	Uyên	21DTH3	3,44	84,33	40	Giỏi	
79	2121001000	Lê Thị Mỹ	Hậu	21DTH3	3,35	93,00	37	Giỏi	
80	2121005250	Nguyễn Thị Thu	Giang	21DTH3	3,30	92,00	40	Giỏi	
81	2121005258	Lương Mạnh Nhã	Vy	21DTH3	3,28	91,00	40	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
43	2021010429	Châu Thị Thanh	Thủy	20DLH1	3,56	93,00	33	Giỏi	
44	2021001067	Nguyễn Trần Đăng	Khiêm	20DLH1	3,55	87,00	36	Giỏi	
45	2021010427	Liêu Kim	Thắm	20DLH1	3,49	90,67	34	Giỏi	
46	2021005942	Lê Thị Hồng	Vân	20DLH1	3,45	80,67	33	Giỏi	
47	2021005980	Trần Thị Ngọc	Hân	20DLH1	3,36	92,33	34	Giỏi	
48	2021010422	Phạm Hoàng	Tâm	20DLH1	3,33	81,33	33	Giỏi	
49	2021001070	Sơn Thị Chi	Hào	20DLH1	3,28	86,00	33	Giỏi	
50	2021010431	Huỳnh Trang	Thư	20DLH1	3,27	88,33	33	Giỏi	
51	2021007451	Đỗ Hùng	Cường	20DLH1	3,26	92,67	33	Giỏi	
52	2021010387	Lê Thị Mỹ	Linh	20DLH2	3,43	88,67	35	Giỏi	
53	2021010440	Lương Thị Thanh	Trúc	20DLH2	3,37	83,33	33	Giỏi	
54	2021006007	Lý Thanh	Hiếu	20DLH2	3,31	87,33	34	Giỏi	
55	2021010393	Trương Ngọc	My	20DLH2	3,27	81,00	36	Giỏi	
56	2021001197	Nguyễn Hồng	Thư	20DQN01	3,79	84,33	38	Giỏi	
57	2021006285	Nguyễn Thị Thúy	Vy	20DQN01	3,46	87,00	38	Giỏi	
58	2021006303	Phan Hoàng Yến	Nhi	20DQN01	3,30	91,00	35	Giỏi	
59	2021001176	Đỗ Huệ	Linh	20DQN01	3,20	80,67	35	Giỏi	
60	2021010770	Nguyễn Thị Thu	Luyến	20DQN02	3,65	86,33	39	Giỏi	
61	2021010806	Nguyễn Thị Quỳnh	Oanh	20DQN02	3,28	82,33	34	Giỏi	
62	2021010749	Nguyễn Thị Hoa	Hồng	20DQN03	3,41	84,33	34	Giỏi	
63	2021006293	Dương Chấn	Đông	20DSK	3,58	92,00	35	Giỏi	
64	2021010441	Nguyễn Lê Phương	Trúc	20DSK	3,56	94,67	33	Giỏi	
65	2021006004	Nguyễn Minh	Hòa	20DSK	3,56	91,67	33	Giỏi	
66	2021010436	Hoàng Nguyễn Ngọc	Trang	20DSK	3,50	88,33	33	Giỏi	
67	2021010390	Hồ Khánh	Ly	20DSK	3,45	81,33	34	Giỏi	
68	2021010396	Lê Thanh Thúy	Ngân	20DSK	3,37	84,33	34	Giỏi	
69	2021010377	Bùi Thị Ngọc	Huyền	20DSK	3,36	82,67	33	Giỏi	
70	2021010428	Bùi Thị Như	Thủy	20DSK	3,36	81,67	36	Giỏi	
71	2021010366	Nguyễn Ngọc Linh	Chi	20DSK	3,27	82,00	33	Giỏi	
72	2021007554	Trần Hà Anh	Khoa	20DSK	3,25	97,67	33	Giỏi	
73	2021010559	Trần Ngọc Kim	Phụng	CLC_20DKS01	3,36	92,00	36	Giỏi	
74	2021010507	Lê Thị	Huyền	CLC_20DKS01	3,29	90,33	43	Giỏi	
75	2021010470	Trần Tuấn	Danh	CLC_20DKS02	3,58	93,67	39	Giỏi	
76	2021010509	Trần Ngọc Thuý	Hương	CLC_20DKS02	3,43	80,00	39	Giỏi	
77	2021010519	Thái Thị Phương	Kiều	CLC_20DKS02	3,32	80,33	39	Giỏi	
78	2021010526	Vũ Hồng Xuân	Mai	CLC_20DKS03	3,47	95,00	39	Giỏi	
79	2021010472	Ngô Quốc	Duy	CLC_20DKS03	3,47	86,33	39	Giỏi	
80	2021010506	Đỗ Thị Khánh	Huyền	CLC_20DKS03	3,41	88,67	36	Giỏi	
81	2021010480	Ngô Minh	Đức	CLC_20DKS03	3,35	86,67	36	Giỏi	
82	2021010475	Nguyễn Thị	Đào	CLC_20DKS03	3,33	86,00	36	Giỏi	
83	2021010523	Phạm Hoàng Nhật	Linh	CLC_20DKS03	3,20	92,00	36	Giỏi	
84	2021010637	Trần Nữ Tố	Hiên	CLC_20DKS04	3,88	94,00	39	Xuất sắc	
85	2021010593	Trần Đình Bảo	Trân	CLC_20DKS04	3,41	80,67	39	Giỏi	
86	2121010435	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	21DKS01	3,47	92,00	37	Giỏi	
87	2121010494	Nguyễn Đặng Cẩm	Nhung	21DKS01	3,36	86,67	43	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
82	2121001013	Nguyễn Thị Bích	Vân	21DTH3	3,22	88,00	40	Giỏi	
	Cộng	82							
II	Khoa Du lịch								
1	1921003080	Hồ Thị	Hoa	19DKS01	3,35	81,33	33	Giỏi	
2	1921007528	La Nguyễn Thu	Nghi	19DKS02	3,59	86,33	33	Giỏi	
3	1921007319	Phạm Huỳnh Gia	Khang	19DKS02	3,54	94,67	33	Giỏi	
4	1921007280	Nguyễn Thị Hồng	Anh	19DKS03	3,32	83,33	33	Giỏi	
5	1921007023	Võ Ngọc	Trần	19DLH2	3,22	82,67	34	Giỏi	
6	1921007475	Bùi Ngọc Thanh	Hằng	19DQN02	3,74	92,00	35	Xuất sắc	
7	1921007169	Lê Thanh	Nhi	CLC_19DKS02	3,59	88,33	37	Giỏi	
8	1921007247	Võ Thu	Trang	CLC_19DKS02	3,41	90,00	34	Giỏi	
9	1921007061	Phan Thanh	Bằng	CLC_19DKS03	3,21	80,00	37	Giỏi	
10	2021001111	Lê Duy Thục	Vân	20DKS01	3,85	91,67	35	Xuất sắc	
11	2021006129	Phạm Khánh	Linh	20DKS01	3,60	87,00	38	Giỏi	
12	2021006073	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	20DKS01	3,59	85,67	35	Giỏi	
13	2021006096	Bùi Lê Yên	Vy	20DKS01	3,55	94,67	41	Giỏi	
14	2021006115	Phan Thị Thu	Hồng	20DKS01	3,55	81,33	38	Giỏi	
15	2021006119	Nguyễn Thị Thúy	Vi	20DKS01	3,45	81,00	39	Giỏi	
16	2021006116	Nguyễn Thị	Huệ	20DKS01	3,44	95,67	38	Giỏi	
17	2021006157	Huỳnh Thị Lan	Anh	20DKS01	3,41	83,67	38	Giỏi	
18	2021006219	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	20DKS01	3,25	93,00	41	Giỏi	
19	2021006210	Nguyễn Hoàng	Nhân	20DKS01	3,25	83,67	37	Giỏi	
20	2021006088	Trịnh Thị	Ngọ	20DKS02	3,61	95,00	35	Xuất sắc	
21	2021006117	Trần Thu	Uyên	20DKS02	3,60	93,00	35	Xuất sắc	
22	2021001124	Pán Diệp	Kiều	20DKS02	3,48	96,67	36	Giỏi	
23	2021001099	Đỗ Thị Ngọc	Trâm	20DKS02	3,45	89,00	35	Giỏi	
24	2021006081	Lê Thị Kim	Thi	20DKS02	3,36	81,67	36	Giỏi	
25	2021006082	Đặng Thị Thanh	Thảo	20DKS02	3,33	80,33	36	Giỏi	
26	2021006226	Lâm Thị Thu	Ba	20DKS02	3,32	93,33	43	Giỏi	
27	2021006105	Phạm Thị	Phương	20DKS02	3,31	93,00	41	Giỏi	
28	2021006172	Phạm Thị Thảo	Vi	20DKS02	3,31	86,67	42	Giỏi	
29	2021006244	Nguyễn Thị Mai	Ca	20DKS02	3,30	91,33	34	Giỏi	
30	2021001120	Huỳnh Thanh	Trúc	20DKS02	3,23	88,00	39	Giỏi	
31	2021010629	Nguyễn Tú Tố	Duyên	20DKS03	3,71	87,67	34	Giỏi	
32	2021010687	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20DKS03	3,61	89,33	35	Giỏi	
33	2021010620	Ngô Thị Quỳnh	Anh	20DKS03	3,60	83,00	39	Giỏi	
34	2021006276	Nguyễn Mỹ	Uyên	20DKS03	3,58	93,67	34	Giỏi	
35	2021010697	Nguyễn Thị Lệ	Uyên	20DKS03	3,58	93,33	38	Giỏi	
36	2021010626	Bùi Mỹ	Dung	20DKS04	3,62	85,33	39	Giỏi	
37	2021010642	Đỗ Thị Mỹ	Linh	20DKS04	3,54	81,00	36	Giỏi	
38	2021010693	Huỳnh Thiên Anh	Tú	20DKS04	3,51	82,00	37	Giỏi	
39	2021010677	Hồ Nguyễn Minh	Thư	20DKS04	3,50	84,67	36	Giỏi	
40	2021010695	Lê Thị Nhật	Uyên	20DKS04	3,43	91,00	35	Giỏi	
41	2021010624	Trương Thị Tú	Anh	20DKS04	3,43	90,00	39	Giỏi	
42	2021005990	Lê Minh	Quang	20DLH1	3,59	80,33	36	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
88	2121001291	Trần Tâm	Tuệ	21DKS01	3,34	91,00	37	Giỏi	
89	2121005665	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	21DKS01	3,32	93,00	37	Giỏi	
90	2121011831	Lê Thanh	Phát	21DKS02	3,56	92,00	37	Giỏi	
91	2121005625	Lê Thị Ngọc	Quyên	21DKS02	3,37	88,67	33	Giỏi	
92	2121012979	Ngô Đình Quốc	Thắng	21DKS03	3,54	95,00	40	Giỏi	
93	2121013673	Trần Thị Huyền	Trang	21DKS03	3,48	94,00	40	Giỏi	
94	2121013380	Phan Đoàn Anh	Thư	21DKS03	3,33	85,00	37	Giỏi	
95	2121012704	Lê Quốc	Toàn	21DKS03	3,21	91,33	37	Giỏi	
96	2121001114	Đỗ Nguyễn Thành	Đạt	21DLH2	3,28	88,00	40	Giỏi	
97	2121010413	Lê Kim	Hân	21DLH2	3,22	91,00	40	Giỏi	
98	2121001317	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	21DQN01	3,58	88,33	39	Giỏi	
99	2121005864	Nguyễn Thị Trúc	Như	21DQN01	3,39	91,00	37	Giỏi	
100	2121011985	Phan Nguyễn Lê	Huy	21DQN02	3,23	89,67	37	Giỏi	
101	2121013360	Võ Hoàng Mỹ	Tiên	21DSK	3,37	91,00	38	Giỏi	
102	2121012318	Tôn Thanh	Đào	21DSK	3,36	86,67	38	Giỏi	
103	2121005402	Đặng Hữu	Tài	21DSK	3,33	84,67	38	Giỏi	
104	2121012216	Lê Mỹ	Dung	21DSK	3,31	83,33	37	Giỏi	
105	2121013818	Nguyễn Lê Thị Hồng	Liên	21DSK	3,26	80,67	38	Giỏi	
106	2121012115	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	21DSK	3,20	91,00	38	Giỏi	
Cộng		106							
III Khoa Kế toán - Kiểm toán									
1	1921004938	Lê Anh	Thư	19DKT1	3,31	86,33	34	Giỏi	
2	2021009937	Trần Thị Cẩm	Tú	20DAC1	3,77	92,67	36	Xuất sắc	
3	2021005762	Lê Thị Bảo	Ngân	20DAC1	3,74	93,00	36	Xuất sắc	
4	2021009936	Lê Quang	Trường	20DAC1	3,70	96,00	36	Xuất sắc	
5	2021009915	Nguyễn Nhật	Tài	20DAC1	3,64	93,00	36	Xuất sắc	
6	2021009918	Đỗ Phương	Thảo	20DAC1	3,64	89,67	39	Giỏi	
7	2021009866	Huỳnh Nhật	Hào	20DAC1	3,59	91,00	36	Giỏi	
8	2021005710	Trần Ngọc Vân	Anh	20DAC1	3,58	92,00	39	Giỏi	
9	2021005731	Nguyễn Thị	Loan	20DAC1	3,52	96,33	33	Giỏi	
10	2021009887	Lý Châu	Mỹ	20DAC1	3,52	93,00	39	Giỏi	
11	2021005642	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	20DAC1	3,34	90,33	45	Giỏi	
12	2021009897	Bùi Thị	Nguyên	20DAC1	3,33	80,33	34	Giỏi	
13	2021007399	Trịnh Thị Như	Quỳnh	20DAC1	3,21	96,00	36	Giỏi	
14	2021005578	Lê Thị Thanh	Nga	20DAC1	3,20	80,00	41	Giỏi	
15	2021005703	Đặng Thị Thuý	Duyên	20DAC2	3,68	93,00	42	Xuất sắc	
16	2021009935	Nguyễn Lê	Trinh	20DAC2	3,66	93,33	36	Xuất sắc	
17	2021005729	Đặng Thị Bích	Sang	20DAC2	3,66	90,67	38	Xuất sắc	
18	2021009892	Phạm Thị Thanh	Ngân	20DAC2	3,62	92,00	40	Xuất sắc	
19	2021009894	Phạm Thị	Ngọc	20DAC2	3,62	87,33	44	Giỏi	
20	2021007395	Lê Thị Ánh	Nguyệt	20DAC2	3,56	96,00	42	Giỏi	
21	2021009855	Lê Ngọc Phương	Anh	20DAC2	3,56	93,00	41	Giỏi	
22	2021009907	Lê Nguyễn Xuân	Phương	20DAC2	3,55	88,67	36	Giỏi	
23	2021005489	Võ Khánh	Duy	20DAC2	3,48	92,00	39	Giỏi	
24	2021005824	Trần Kỳ Bội	Trân	20DAC2	3,46	85,67	35	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
25	2021005761	Hoàng Thị Kim	Phụng	20DAC2	3,46	83,67	39	Giỏi	
26	2021002276	Hà Thanh	Nhi	20DAC2	3,40	86,33	39	Giỏi	
27	2021005478	Trần Thị Lan	Anh	20DAC2	3,37	96,00	42	Giỏi	
28	2021005616	Trần Thị Cẩm	Dương	20DAC2	3,29	90,33	41	Giỏi	
29	2021005884	Mai Nguyễn Thuỷ	Ngọc	20DAC2	3,25	84,00	36	Giỏi	
30	2021005859	Nguyễn Thị	Hạnh	20DAC2	3,23	93,33	42	Giỏi	
31	2021005465	Võ Như	Ngọc	20DKT1	3,72	88,67	42	Giỏi	
32	2021009888	Nguyễn Thị Thúy	Nga	20DKT1	3,49	95,00	39	Giỏi	
33	2021009861	Lê Thị Thùy	Dung	20DKT1	3,46	82,00	45	Giỏi	
34	2021005800	Nguyễn Thị Hương	Trà	20DKT1	3,41	87,00	42	Giỏi	
35	2021005663	Nguyễn Thị Yến	Nhi	20DKT1	3,40	86,67	44	Giỏi	
36	2021009940	Trần Phương	Uyên	20DKT1	3,36	91,00	44	Giỏi	
37	2021009902	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20DKT1	3,35	81,67	33	Giỏi	
38	2021005595	Trần Thị Thanh	Ngân	20DKT1	3,33	82,33	38	Giỏi	
39	2021009890	Nguyễn Cao Yên	Ngà	20DKT1	3,32	89,33	42	Giỏi	
40	2021009903	Lê Trần Quỳnh	Như	20DKT1	3,29	84,00	39	Giỏi	
41	2021000969	Lê Cát	Tường	20DKT1	3,25	87,33	36	Giỏi	
42	2021005570	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	20DKT2	3,78	93,00	40	Xuất sắc	
43	2021009926	Huỳnh Thị Thanh	Thương	20DKT2	3,71	93,00	39	Xuất sắc	
44	2021009933	Huỳnh Thị Quế	Trân	20DKT2	3,70	92,67	39	Xuất sắc	
45	2021005522	Lê Ngọc	Nhung	20DKT2	3,75	88,67	44	Giỏi	
46	2021009921	Trần Thị Bích	Thảo	20DKT2	3,68	88,67	39	Giỏi	
47	2021009908	Nguyễn Trúc	Phương	20DKT2	3,49	81,33	33	Giỏi	
48	2021005475	Nguyễn Thị Thu	Hường	20DKT2	3,48	92,67	42	Giỏi	
49	2021009891	Nguyễn Thị Thu	Ngân	20DKT2	3,48	87,33	47	Giỏi	
50	2021009944	Lương Thị Phương	Vy	20DKT2	3,43	91,00	39	Giỏi	
51	2021009860	Phạm Thị	Diễm	20DKT2	3,37	96,00	41	Giỏi	
52	2021009913	Trần Hoàng Khánh	Quỳnh	20DKT2	3,27	84,67	35	Giỏi	
53	2021005544	Võ Hoàng	Long	20DKT2	3,25	92,67	48	Giỏi	
54	2021005620	Nguyễn Thị Y	Phụng	20DKT2	3,21	84,33	39	Giỏi	
55	2021006693	Nguyễn Ngọc Minh	Như	CLC_20DKT01	3,65	93,00	39	Xuất sắc	
56	2021005715	Phạm Thị Thu	Minh	CLC_20DKT01	3,65	91,67	36	Xuất sắc	
57	2021010059	Nguyễn Hạ	Uyên	CLC_20DKT01	3,47	92,00	45	Giỏi	
58	2021009989	Huỳnh Ngọc Thùy	Linh	CLC_20DKT01	3,36	87,67	42	Giỏi	
59	2021005829	Phạm Ngọc	Quỳnh	CLC_20DKT01	3,35	93,00	39	Giỏi	
60	2021010067	Lê Nguyễn Kiều	Vy	CLC_20DKT01	3,24	89,33	45	Giỏi	
61	2021010030	Võ Thị Băng	Tâm	CLC_20DKT02	3,45	90,33	39	Giỏi	
62	2021009980	Trần Thành	Hưng	CLC_20DKT02	3,36	83,00	42	Giỏi	
63	2021010015	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	CLC_20DKT02	3,34	90,67	42	Giỏi	
64	2021010032	Nguyễn Thị Phương	Thanh	CLC_20DKT02	3,31	89,33	39	Giỏi	
65	2021009954	Nguyễn Quỳnh	Anh	CLC_20DKT03	3,56	92,00	39	Giỏi	
66	2021009910	Võ Thị Tuyết	Phương	CLC_20DKT03	3,42	92,00	42	Giỏi	
67	2021009869	Lý Thành	Hiếu	CLC_20DKT04	3,61	95,00	39	Xuất sắc	
68	2021009997	Huyết Thị Xuân	Mai	CLC_20DKT04	3,41	84,67	39	Giỏi	
69	2021009884	Nguyễn Ngọc	Mai	CLC_20DKT04	3,22	85,33	36	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
70	2121013821	Tạ Ngọc	Liên	21DAC1	3,34	94,00	34	Giỏi	
71	2121009221	Lê Huỳnh Diễm	Trúc	21DAC1	3,32	88,33	37	Giỏi	
72	2121009172	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	21DAC2	3,70	91,00	37	Xuất sắc	
73	2121002605	Huỳnh Ngọc	Liên	21DAC2	3,44	91,33	34	Giỏi	
74	2121009388	Trần Thị Nguyên	Tâm	21DAC2	3,26	91,00	37	Giỏi	
75	2121011610	Lê Hào	Hào	21DAC2	3,22	92,00	37	Giỏi	
76	2121009116	Đinh Hoàng	Yến	21DKT1	3,44	89,00	34	Giỏi	
77	2121013112	Huỳnh Thị Tường	Anh	21DKT1	3,31	85,67	37	Giỏi	
78	2121009173	Hứa Hồng	Khánh	21DKT2	3,51	92,00	37	Giỏi	
79	2121009245	Nguyễn Thị Bội	Ngọc	21DKT2	3,38	89,00	34	Giỏi	
80	2121009276	Nguyễn Thúy	Vy	21DKT2	3,37	93,00	37	Giỏi	
81	2121004919	Nguyễn Thùy	Nhung	CLC_21DKT01	3,46	81,00	40	Giỏi	
82	2121013802	Nguyễn Đặng Phương	Mai	CLC_21DKT02	3,50	91,00	38	Giỏi	
83	2121012383	Nguyễn Lê Anh	Tuấn	CLC_21DKT02	3,48	81,67	38	Giỏi	
84	2121000864	Nguyễn Ngô Minh	Khang	CLC_21DKT02	3,34	95,00	38	Giỏi	
85	2121000956	Nguyễn Các	Tiên	CLC_21DKT02	3,32	91,00	38	Giỏi	
86	2121011732	Phạm Mai	Hương	CLC_21DKT03	3,59	93,67	38	Giỏi	
87	2121011648	Lê Thị Cẩm	Thi	CLC_21DKT03	3,53	95,00	38	Giỏi	
88	2121011903	Lê Phạm Thanh	Thảo	CLC_21DKT03	3,44	85,33	38	Giỏi	
89	2121011964	Ngô Bích	Ngọc	CLC_21DKT03	3,42	84,00	38	Giỏi	
90	2121013295	Trần Thanh	Thảo	CLC_21DKT03	3,36	95,00	38	Giỏi	
91	2121012300	Trịnh Thị Thu	Hoài	CLC_21DKT03	3,33	91,00	38	Giỏi	
92	2121013718	Trần Nguyễn Nam	Phương	CLC_21DKT03	3,31	91,33	38	Giỏi	
93	2121012148	Đỗ Bích	Loan	CLC_21DKT03	3,30	86,33	37	Giỏi	
94	2121013691	Lê Quang	Huy	CLC_21DKT03	3,26	82,33	38	Giỏi	
95	2121013111	Huỳnh Phạm Mỹ	Anh	CLC_21DKT03	3,25	82,33	38	Giỏi	
96	2121013499	Trần Thị Hồng	Nhung	CLC_21DKT03	3,24	90,33	38	Giỏi	
97	2121013118	Nguyễn Hoàng Ngọc	Lan	CLC_21DKT03	3,20	91,00	38	Giỏi	
98	2121012028	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	CLC_21DKT04	3,62	90,67	38	Xuất sắc	
99	2121013781	Lê Nguyễn Hà	Thanh	CLC_21DKT04	3,42	87,33	38	Giỏi	
100	2121012521	Lê Duy	Khánh	CLC_21DKT04	3,36	93,00	38	Giỏi	
101	2121012987	Hồ Ngọc	Thịnh	CLC_21DKT04	3,34	91,00	38	Giỏi	
102	2121012250	Khúc Minh	Châu	CLC_21DKT04	3,28	92,00	38	Giỏi	
103	2121013474	Ngô Thị Mỹ	Duyên	CLC_21DKT04	3,25	91,00	38	Giỏi	
104	2121013349	Lê Song Thụy	Vy	CLC_21DKT04	3,24	92,00	38	Giỏi	
105	2121013335	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	CLC_21DKT04	3,20	93,67	38	Giỏi	
	Cộng	105							
IV	Khoa Kinh tế - Luật								
1	1921004368	Hoắc Thụy Vân	Hà	19DQF	3,20	82,33	34	Giỏi	
2	1921000346	Đặng Nguyễn Ái	Vy	19DQK	3,38	91,33	34	Giỏi	
3	1921000327	Võ Văn	Thắm	19DQK	3,36	87,67	51	Giỏi	
4	2021002636	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	20DEM01	3,69	93,33	33	Xuất sắc	
5	2021002666	Bùi Minh	Bảo	20DEM01	3,64	92,00	39	Xuất sắc	
6	2021002781	Lê Thị Hồng	Duyên	20DEM01	3,60	90,67	42	Xuất sắc	
7	2021002830	Nguyễn Thị Hoài	Như	20DEM01	3,53	95,00	42	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
8	2021002849	Ngô Thị Huyền	Trân	20DEM01	3,50	84,33	40	Giỏi	
9	2021002812	Phạm Thị Kim	Xuyến	20DEM01	3,49	97,33	37	Giỏi	
10	2021002670	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	20DEM01	3,49	93,67	34	Giỏi	
11	2021002770	Trần Nguyễn Tô	Như	20DEM01	3,48	93,00	36	Giỏi	
12	2021002786	Nguyễn Trọng	Nhân	20DEM01	3,46	93,33	42	Giỏi	
13	2021002751	Dương Huyền	Trân	20DEM01	3,43	92,00	39	Giỏi	
14	2021002776	Lê Thị Huyền	Đức	20DEM01	3,43	90,67	42	Giỏi	
15	2021002750	Võ Thị Tuyết	Như	20DEM01	3,39	82,67	42	Giỏi	
16	2021002635	Từ Thị Yến	Nhi	20DEM01	3,37	82,33	43	Giỏi	
17	2021002732	Nguyễn Thị	Thùy	20DEM01	3,31	91,00	40	Giỏi	
18	2021006819	Lê Hà Lam	Nguyên	20DEM01	3,25	94,67	39	Giỏi	
19	2021006846	Nguyễn Thị Tô	My	20DEM01	3,20	94,33	34	Giỏi	
20	2021002791	Nguyễn Yên	Nhi	20DEM02	3,67	92,67	34	Xuất sắc	
21	2021007749	Phạm Trường	Huy	20DEM02	3,53	90,00	37	Giỏi	
22	2021002783	Hồ Tấn	Việt	20DEM02	3,50	95,00	38	Giỏi	
23	2021007744	Lê Thị Thanh	Hằng	20DEM02	3,43	93,00	37	Giỏi	
24	2021002793	Hồ Linh	Đan	20DEM02	3,39	96,00	39	Giỏi	
25	2021002677	Nguyễn Thanh	Hiền	20DEM02	3,34	97,67	36	Giỏi	
26	2021007767	Dương Đức	Thắng	20DEM02	3,34	85,33	37	Giỏi	
27	2021007742	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20DEM02	3,33	88,33	39	Giỏi	
28	2021000437	Trần Thị Thu	Phương	20DEM02	3,29	92,00	43	Giỏi	
29	2021008236	Trần Thị Thu	Cẩm	20DQF	3,84	92,00	40	Xuất sắc	
30	2021009423	Nguyễn Phương	Nhung	20DQF	3,42	80,33	38	Giỏi	
31	2021009238	Vũ Trâm	Anh	20DQF	3,31	80,33	38	Giỏi	
32	2121006471	Nguyễn Thị	Mai	21DEM01	3,67	91,00	40	Xuất sắc	
33	2121006467	Hồ Thị Quỳnh	Trang	21DEM01	3,68	88,67	37	Giỏi	
34	2121006339	Trần Ngọc	Ánh	21DEM01	3,50	89,00	41	Giỏi	
35	2121001481	Ngô Thúy	An	21DEM01	3,38	89,33	35	Giỏi	
36	2121006378	Lê Thị Thảo	Vân	21DEM01	3,31	80,67	39	Giỏi	
37	2121006363	Võ Huỳnh Ngọc	Kim	21DEM01	3,29	92,00	37	Giỏi	
38	2121001532	Cao Thị Diễm	Quỳnh	21DEM01	3,22	88,67	39	Giỏi	
39	2121006417	Lê Thanh Hải	Em	21DEM02	3,55	89,00	36	Giỏi	
40	2121001483	Lại Kim	Hoàng	21DEM02	3,55	86,67	39	Giỏi	
41	2121006462	Đàm Thị Thu	Hằng	21DEM02	3,53	81,67	36	Giỏi	
42	2121006362	Võ Thúy	Hằng	21DEM02	3,51	88,33	39	Giỏi	
43	2121006457	Vưu Nhã	An	21DEM02	3,50	88,33	43	Giỏi	
44	2121001477	Phạm Tiến	Dũng	21DEM02	3,46	89,00	39	Giỏi	
45	2121006483	Huỳnh Nguyễn Linh	Chi	21DEM02	3,38	82,00	37	Giỏi	
46	2121012599	Nguyễn Mỹ	Tâm	21DEM02	3,36	81,67	37	Giỏi	
47	2121006351	Đỗ Thị Thanh	Thủy	21DEM02	3,35	90,00	37	Giỏi	
48	2121006438	Nguyễn Thị Mỹ	Phương	21DEM02	3,25	92,33	39	Giỏi	
49	2121013261	Phan Thị Tuyết	Nga	21DEM03	3,49	94,00	40	Giỏi	
50	2121013128	Trần Thị	Lành	21DEM03	3,27	95,00	45	Giỏi	
51	2121006484	Nguyễn Mai	Khanh	21DEM03	3,22	84,33	42	Giỏi	
52	2121012606	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	21DEM03	3,20	93,00	40	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
53	2121011613	Phan Diệu	Hào	21DLD01	3,41	80,33	39	Giỏi	
54	2121002747	Trần Thị Mai	Quỳnh	21DLD01	3,24	90,00	39	Giỏi	
55	2121009618	Trương Ngọc Kim	Tuyền	21DLD01	3,20	92,00	33	Giỏi	
56	2121013078	Nguyễn Thụy Thanh	Trúc	21DTL01	3,36	81,67	42	Giỏi	
57	2121012946	Lê Thành	Đặng	21DTL01	3,28	87,33	39	Giỏi	
58	2121011945	Trần Huyền	Trân	21DTL01	3,24	92,00	42	Giỏi	
	Cộng	58							
V	Khoa Marketing								
1	1921003889	Lê Thị	Trâm	19DMA1	3,79	92,67	33	Xuất sắc	
2	1921001049	Võ Ngọc	Tiếng	19DMA2	3,42	89,67	33	Giỏi	
3	1921000901	Lê Thị Ái	Vân	19DQH2	3,58	90,67	36	Giỏi	
4	1921000790	Dương Ngọc	Xuyến	19DQH2	3,40	92,67	33	Giỏi	
5	1921005762	Lê Nguyễn Thu	Uyên	CLC_19DMA02	3,36	80,67	34	Giỏi	
6	1921005724	Đặng Thu	Trang	CLC_19DMA06	3,52	91,33	36	Giỏi	
7	1921005368	Lê Thị Ngọc	Ánh	CLC_19DMA06	3,37	86,00	39	Giỏi	
8	1921005341	Đỗ Ngọc Tuấn	Anh	CLC_19DMA09	3,40	82,33	34	Giỏi	
9	2021003781	Đặng Thị Hồng	Ân	20DMA1	3,63	83,33	41	Giỏi	
10	2021008355	Trần Thị Thanh	Thủy	20DMA1	3,56	84,33	41	Giỏi	
11	2021008294	Lê Thị Hồng	Na	20DMA1	3,47	83,67	38	Giỏi	
12	2021007075	Dương Hoàng Khánh	Bình	20DMA1	3,24	86,67	38	Giỏi	
13	2021000640	Đinh Ngọc	My	20DMA2	3,50	93,00	38	Giỏi	
14	2021007032	Thái Hoàng	Khang	20DMA2	3,49	82,67	40	Giỏi	
15	2021000599	Nguyễn Thị Tường	Vy	20DMA2	3,46	85,00	38	Giỏi	
16	2021003877	Nguyễn Thị Ánh	Huyền	20DMA2	3,46	81,67	38	Giỏi	
17	2021008336	Nguyễn Minh	Tâm	20DMA2	3,45	82,33	59	Giỏi	
18	2021003986	Trần Huỳnh Minh	Mẫn	20DMA2	3,42	88,67	35	Giỏi	
19	2021008321	Huỳnh Thị Kiều	Oanh	20DMA2	3,42	81,00	41	Giỏi	
20	2021008397	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	20DMA2	3,39	90,33	38	Giỏi	
21	2021003790	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	20DMA2	3,35	91,00	44	Giỏi	
22	2021008266	Huỳnh Thanh	Hiếu	20DMA2	3,29	93,00	44	Giỏi	
23	2021003821	Trần Phương	Uyên	20DMC1	3,87	96,00	38	Xuất sắc	
24	2021008305	Huỳnh Châu Trọng	Ngữ	20DMC1	3,78	93,67	41	Xuất sắc	
25	2021003912	Hồ Lê Quỳnh	Như	20DMC1	3,74	92,33	35	Xuất sắc	
26	2021008282	Đặng Thị Diệu	Linh	20DMC1	3,64	92,00	38	Xuất sắc	
27	2021004009	Trương Nữ Kiều	My	20DMC1	3,62	90,67	35	Xuất sắc	
28	2021003939	Võ Thị Như	Kiến	20DMC1	3,61	94,67	35	Xuất sắc	
29	2021000587	Nguyễn Trung	Nhân	20DMC1	3,60	91,67	41	Xuất sắc	
30	2021003863	Nguyễn Anh	Tài	20DMC1	3,73	85,67	38	Giỏi	
31	2021007072	Trần Thị Diễm	Quỳnh	20DMC1	3,68	80,00	41	Giỏi	
32	2021008229	Nguyễn Lan	Anh	20DMC1	3,66	82,67	38	Giỏi	
33	2021003977	Trần Thị Ngọc	Nhi	20DMC1	3,60	80,33	35	Giỏi	
34	2021008253	Trần Khánh	Đoan	20DMC1	3,59	92,00	41	Giỏi	
35	2021003957	Bành Nguơn Thùy	Nhung	20DMC1	3,58	93,67	38	Giỏi	
36	2021003808	Huỳnh Đức Minh	Thư	20DMC1	3,56	91,33	35	Giỏi	
37	2021008395	Nguyễn Trần Thắm	Y	20DMC1	3,56	87,67	41	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
38	2021008224	Bạch Đỗ Thảo	Anh	20DMC1	3,56	85,33	41	Giỏi	
39	2021008370	Lương Thị Ngọc	Trâm	20DMC1	3,56	81,67	38	Giỏi	
40	2021003884	Nguyễn Thị	Hiền	20DMC1	3,53	92,67	35	Giỏi	
41	2021003748	Phạm Minh	Lộc	20DMC1	3,53	86,67	41	Giỏi	
42	2021003906	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	20DMC1	3,52	81,00	35	Giỏi	
43	2021008256	Hồ Huỳnh	Giao	20DMC1	3,51	80,33	38	Giỏi	
44	2021008271	Đổng Việt	Hùng	20DMC1	3,49	82,33	44	Giỏi	
45	2021003827	Huỳnh Minh	Khang	20DMC1	3,46	90,00	35	Giỏi	
46	2021008354	Huỳnh Triều	Thuận	20DMC1	3,43	85,00	38	Giỏi	
47	2021008248	Nguyễn Tấn	Đạt	20DMC1	3,42	85,67	35	Giỏi	
48	2021003847	Ngô Thanh Minh	Phương	20DMC1	3,42	85,67	35	Giỏi	
49	2021003875	Nguyễn Thanh	Thùy	20DMC1	3,41	80,33	35	Giỏi	
50	2021003990	Phan Thị Khánh	Ly	20DMC1	3,40	95,00	38	Giỏi	
51	2021008251	Nguyễn Thị Hồng	Điệp	20DMC1	3,38	85,67	35	Giỏi	
52	2021008356	Trần Ngọc	Thúy	20DMC1	3,37	86,67	41	Giỏi	
53	2021003978	Nguyễn Thị	Ngọc	20DMC1	3,32	87,67	38	Giỏi	
54	2021003784	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	20DMC1	3,28	89,00	41	Giỏi	
55	2021008295	Nguyễn Ni	Na	20DMC2	3,79	90,33	41	Xuất sắc	
56	2021000647	Trần Thị Minh	Tâm	20DMC2	3,67	92,33	38	Xuất sắc	
57	2021008385	Lê Nữ Minh	Uyên	20DMC2	3,66	93,67	41	Xuất sắc	
58	2021008358	Nguyễn Lê	Thư	20DMC2	3,60	88,00	38	Giỏi	
59	2021008307	Tạ Hoàng	Nhân	20DMC2	3,60	87,67	35	Giỏi	
60	2021000633	Trần Thị Thanh	Thúy	20DMC2	3,60	84,33	41	Giỏi	
61	2021008396	Nguyễn Thị Như	Ý	20DMC2	3,59	92,00	38	Giỏi	
62	2021008225	Bùi Thị Trâm	Anh	20DMC2	3,59	90,33	38	Giỏi	
63	2021008237	Mạc Tú	Châu	20DMC2	3,57	92,00	38	Giỏi	
64	2021006961	Trương Công	Hậu	20DMC2	3,56	89,33	35	Giỏi	
65	2021003979	Đặng Thị Trúc	Ly	20DMC2	3,56	87,67	35	Giỏi	
66	2021008226	Đổng Thị Phương	Anh	20DMC2	3,53	82,67	38	Giỏi	
67	2021008317	Trần Thị Thùy	Như	20DMC2	3,52	90,67	35	Giỏi	
68	2021003780	Phạm Thị	Thành	20DMC2	3,52	80,67	38	Giỏi	
69	2021008325	Mai Bùi Hà	Phương	20DMC2	3,51	90,33	38	Giỏi	
70	2021000589	Đặng Huỳnh	Dao	20DMC2	3,51	89,33	38	Giỏi	
71	2021008252	Đặng Phạm Ngọc Khánh	Đoan	20DMC2	3,50	93,67	41	Giỏi	
72	2021003831	Lâm Ngọc Phương	Trang	20DMC2	3,50	82,67	35	Giỏi	
73	2021003953	Huỳnh Tấn	Đạt	20DMC2	3,49	91,00	56	Giỏi	
74	2021003881	Phạm Thị	Tinh	20DMC2	3,46	85,00	35	Giỏi	
75	2021007080	Lưu Phạm Huyền	Trân	20DMC2	3,46	80,00	38	Giỏi	
76	2021008312	Ngô Thị Cẩm	Nhung	20DMC2	3,45	88,00	35	Giỏi	
77	2021008290	Lê Nguyễn Nhật	Mai	20DMC2	3,44	87,33	35	Giỏi	
78	2021008375	Nguyễn Tuyết	Trinh	20DMC2	3,43	86,33	35	Giỏi	
79	2021008343	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20DMC2	3,39	84,67	38	Giỏi	
80	2021003888	Lê Võ Quỳnh	Giao	20DMC2	3,36	87,33	35	Giỏi	
81	2021008349	Nguyễn Đào Phương	Thi	20DMC2	3,33	84,67	38	Giỏi	
82	2021008272	Trương Quang	Hùng	20DMC2	3,32	92,33	35	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
83	2021008318	Đoàn Minh	Nhật	20DMC2	3,29	80,33	35	Giỏi	
84	2021003967	Nguyễn Thanh	Điền	20DMC2	3,24	80,33	36	Giỏi	
85	2021007012	Chu Cát	Lượng	20DQH1	3,74	92,00	38	Xuất sắc	
86	2021008323	Bùi Phúc	Phú	20DQH1	3,68	93,00	44	Xuất sắc	
87	2021000571	Nông Thành	Sơn	20DQH1	3,65	91,67	38	Xuất sắc	
88	2021003952	Đặng Lê Hữu	Thịnh	20DQH1	3,63	93,00	38	Xuất sắc	
89	2021007017	Nguyễn Minh	Như	20DQH1	3,60	88,67	41	Giỏi	
90	2021003961	Lê Thị Thúy	Nga	20DQH1	3,53	92,67	38	Giỏi	
91	2021000658	Tăng Thị Quỳnh	Như	20DQH1	3,49	86,67	38	Giỏi	
92	2021003777	Nguyễn Ngọc	Khánh	20DQH1	3,48	90,67	41	Giỏi	
93	2021003919	Nguyễn Thị Yến	Thy	20DQH1	3,45	82,67	38	Giỏi	
94	2021008390	Lê Hoàng	Vũ	20DQH1	3,42	87,33	41	Giỏi	
95	2021003901	Đổng Thị Mỹ	Diệu	20DQH1	3,42	86,67	44	Giỏi	
96	2021008258	Nguyễn Thị Bích	Hằng	20DQH1	3,37	84,00	38	Giỏi	
97	2021003830	Bùi Thị	Thảo	20DQH1	3,37	81,00	41	Giỏi	
98	2021008246	Nguyễn Thị Thùy	Dương	20DQH1	3,31	85,33	41	Giỏi	
99	2021008281	Vũ Tuấn	Kiệt	20DQH1	3,29	83,67	38	Giỏi	
100	2021003757	Lê Nguyễn Quốc	Đạt	20DQH2	3,70	93,00	35	Xuất sắc	
101	2021003785	Trương Hồng	Quang	20DQH2	3,66	95,00	38	Xuất sắc	
102	2021000665	Mai Ái	Vàng	20DQH2	3,61	93,00	41	Xuất sắc	
103	2021000649	Nguyễn Trần Anh	Thư	20DQH2	3,68	89,00	35	Giỏi	
104	2021008371	Tô Nữ Huyền	Trâm	20DQH2	3,56	81,33	41	Giỏi	
105	2021003747	Lê Ngọc	Thảo	20DQH2	3,51	92,33	38	Giỏi	
106	2021003834	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	20DQH2	3,49	82,00	38	Giỏi	
107	2021003903	Dương Thị Hồng	Nhiên	20DQH2	3,48	80,00	38	Giỏi	
108	2021003997	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	20DQH2	3,43	81,33	38	Giỏi	
109	2021007024	Huỳnh Thị Mai	Hương	20DQH2	3,39	83,67	38	Giỏi	
110	2021003842	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	20DQH2	3,38	88,00	41	Giỏi	
111	2021008228	Lý Hồng	Anh	20DQH2	3,37	81,67	44	Giỏi	
112	2021003812	Võ Thị Hồng	Diệp	20DQH2	3,28	81,67	35	Giỏi	
113	2021008351	Trần Trường	Thi	20DQH2	3,25	90,00	38	Giỏi	
114	2021001742	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	CLC_20DMA01	3,47	80,00	39	Giỏi	
115	2021001500	Trương Việt	Anh	CLC_20DMA01	3,41	86,33	39	Giỏi	
116	2021000134	Đoàn Thị Thanh	Lan	CLC_20DMA01	3,40	80,00	39	Giỏi	
117	2021001530	Trương Huỳnh Thùy	Lan	CLC_20DMA01	3,35	81,67	39	Giỏi	
118	2021000105	Nguyễn Thị Bích	Lệ	CLC_20DMA01	3,34	91,00	45	Giỏi	
119	2021001674	Đinh Kim	Khánh	CLC_20DMA01	3,30	90,00	39	Giỏi	
120	2021000058	Lê Thuý	An	CLC_20DMA01	3,30	89,00	45	Giỏi	
121	2021001809	Nguyễn Ngọc Thảo	Hiền	CLC_20DMA02	3,30	91,33	33	Giỏi	
122	2021001496	Đỗ Trần Anh	Thư	CLC_20DMA03	3,58	82,00	33	Giỏi	
123	2021001716	Nguyễn Thị Hoàng	Nhi	CLC_20DMA03	3,23	92,00	36	Giỏi	
124	2021000130	Nguyễn Ngọc Hương	Trà	CLC_20DMA04	3,42	81,67	36	Giỏi	
125	2021006521	Mạch Bùi Thanh	Phượng	CLC_20DMA04	3,28	81,00	36	Giỏi	
126	2021008524	Đinh Lê Uyên	Phương	CLC_20DMA05	3,47	86,67	36	Giỏi	
127	2021001663	Trần Nữ Uyên	Thy	CLC_20DMA05	3,45	84,67	33	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
128	2021008571	Nguyễn Mai	Trâm	CLC_20DMA05	3,38	82,67	36	Giỏi	
129	2021008574	Trương Bảo	Trân	CLC_20DMA05	3,29	84,00	36	Giỏi	
130	2021008535	Nguyễn Lâm Phương	Quỳnh	CLC_20DMA05	3,22	83,33	36	Giỏi	
131	2021008412	Ngô Phụng	Cầm	CLC_20DMA06	3,75	92,00	36	Xuất sắc	
132	2021008493	Cao Thị Bích	Ngọc	CLC_20DMA06	3,68	88,00	33	Giỏi	
133	2021008506	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	CLC_20DMA06	3,59	83,33	33	Giỏi	
134	2021008509	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	CLC_20DMA06	3,56	82,67	36	Giỏi	
135	2021008440	Nguyễn Việt	Hân	CLC_20DMA06	3,52	88,33	36	Giỏi	
136	2021008519	Lê Hữu	Phát	CLC_20DMA06	3,46	94,67	42	Giỏi	
137	2021008552	Trương Thanh	Thảo	CLC_20DMA06	3,46	91,67	42	Giỏi	
138	2021008593	Lê Huỳnh Thanh	Vy	CLC_20DMA06	3,44	85,00	42	Giỏi	
139	2021008597	Bùi Phương Như	Ý	CLC_20DMA08	3,69	81,67	36	Giỏi	
140	2021008569	Nguyễn Thị Thùy	Trang	CLC_20DMA08	3,63	80,67	36	Giỏi	
141	2021008526	Nguyễn Duy	Quang	CLC_20DMA08	3,41	85,33	39	Giỏi	
142	2021008567	Phạm Ngọc	Tĩnh	CLC_20DMA08	3,39	80,67	33	Giỏi	
143	2021008607	Nguyễn Thị Khánh	Hà	CLC_20DMA08	3,31	89,67	33	Giỏi	
144	2021008594	Lê Thị Hạ	Vy	CLC_20DMA08	3,22	85,67	33	Giỏi	
145	2021007952	Trần Minh	Thành	CLC_20DMA09	3,62	83,67	33	Giỏi	
146	2021008292	Nguyễn Đức	Mạnh	CLC_20DMA09	3,59	93,00	36	Giỏi	
147	2021008298	Mai Vũ Đông	Nghi	CLC_20DMA09	3,56	87,67	36	Giỏi	
148	2021007918	Đinh Võ Kiều	Oanh	CLC_20DMA09	3,48	82,33	42	Giỏi	
149	2021008240	Hà Mạnh	Cường	CLC_20DMA09	3,46	93,33	36	Giỏi	
150	2021008557	Nguyễn Thị Hồng	Thom	CLC_20DMA09	3,33	93,33	33	Giỏi	
151	2021008587	Trần Thanh	Tuyền	CLC_20DMA09	3,29	80,67	33	Giỏi	
152	2021008441	Nguyễn Thu	Hiền	CLC_20DMA10	3,38	92,00	33	Giỏi	
153	2021008337	Châu Quốc	Thái	CLC_20DMA10	3,20	89,00	33	Giỏi	
154	2121007571	Lê Thị Thanh	Nhân	21DMA1	3,78	92,00	37	Xuất sắc	
155	2121007664	Hồ Thị Tuyết	Mỹ	21DMA1	3,46	95,00	34	Giỏi	
156	2121013122	Phạm Hoàng	Lan	21DMA1	3,33	90,67	37	Giỏi	
157	2121012828	Phan Thị Kim	Phụng	21DMA2	3,59	92,00	34	Giỏi	
158	2121012156	Đoàn Bùi Phi	Long	21DMA2	3,51	80,33	37	Giỏi	
159	2121007452	Lê Đình Quang	Huy	21DMA2	3,45	90,00	34	Giỏi	
160	2121007345	Đinh Thị Yến	Ngọc	21DMA2	3,29	89,33	37	Giỏi	
161	2121012802	Bùi Thị Kim	Thư	21DMC1	3,65	89,00	37	Giỏi	
162	2121007286	Nguyễn Thị Hương	Giang	21DMC1	3,58	90,00	37	Giỏi	
163	2121013052	Nguyễn Ya	Ly	21DMC1	3,49	91,67	37	Giỏi	
164	2121001965	Dương Khánh Tường	Vy	21DMC1	3,49	85,33	37	Giỏi	
165	2121001985	Nguyễn Hoàng Bình	Phương	21DMC1	3,41	81,67	34	Giỏi	
166	2121007601	Nguyễn Phước	Quốc	21DMC1	3,32	93,67	34	Giỏi	
167	2121007650	Lê Thị Thanh	Hương	21DMC1	3,32	91,00	37	Giỏi	
168	2121001923	Phạm Nguyệt	Hằng	21DMC1	3,26	85,33	33	Giỏi	
169	2121007712	Đoàn Kim	Cương	21DMC1	3,23	91,00	34	Giỏi	
170	2121001964	Phạm Thị Kim	Ngân	21DMC2	3,58	95,67	37	Giỏi	
171	2121007519	Võ Thiên	Kim	21DMC2	3,51	89,33	34	Giỏi	
172	2121007246	Trần Thị Hà	Trang	21DMC2	3,50	91,67	34	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
173	2121007632	Nguyễn Ngọc Thanh	Thy	21DMC2	3,35	84,67	37	Giỏi	
174	2121007717	Đoàn Thị Cẩm	Tiên	21DMC2	3,33	83,00	37	Giỏi	
175	2121007628	Nguyễn Thị Hoa	Mỹ	21DMC2	3,28	91,00	33	Giỏi	
176	2121007362	Nguyễn Thị Cẩm	Thi	21DMC2	3,24	92,00	37	Giỏi	
177	2121007291	Huỳnh Trâm	Thư	21DMC2	3,24	92,00	37	Giỏi	
178	2121007308	Nguyễn Thị	Lệ	21DMC3	3,76	96,67	37	Xuất sắc	
179	2121007242	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	21DMC3	3,56	89,00	37	Giỏi	
180	2121007629	Phạm Tuấn	Kiệt	21DMC3	3,55	81,33	34	Giỏi	
181	2121007557	Lê Phú	Hào	21DMC3	3,42	93,00	34	Giỏi	
182	2121007456	Võ Thị Thùy	Chung	21DMC3	3,38	83,00	37	Giỏi	
183	2121007683	Hà Thị Diệu	Phường	21DMC3	3,36	90,00	37	Giỏi	
184	2121007545	Đặng Thị Hoài	Thu	21DMC3	3,35	90,67	37	Giỏi	
185	2121007329	Hồ Thị	Lượng	21DMC3	3,30	91,00	37	Giỏi	
186	2121007677	Nguyễn Thị Phúc	Hiệp	21DMC3	3,29	80,67	37	Giỏi	
187	2121007552	Nguyễn Thị Thoại	My	21DMC3	3,26	88,33	37	Giỏi	
188	2121013217	Tổng Quỳnh	Như	21DMC3	3,26	81,00	37	Giỏi	
189	2121007311	Nguyễn Thị Hà	Giang	21DQH1	3,65	87,67	37	Giỏi	
190	2121007378	Nguyễn Thị Mai Ngọc	Ánh	21DQH1	3,46	95,00	37	Giỏi	
191	2121012423	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	21DQH1	3,43	80,33	34	Giỏi	
192	2121007516	Trần Thị Trường	Hân	21DQH1	3,40	91,00	34	Giỏi	
193	2121010967	Võ Hoàng	Nam	21DQH1	3,29	91,00	37	Giỏi	
194	2121007304	Châu Thanh	Hậu	21DQH1	3,25	89,67	37	Giỏi	
195	2121007370	Thạch Như	Quỳnh	21DQH2	3,38	81,67	37	Giỏi	
196	2121007515	Lôi Ngọc Mỹ	Ngân	21DQH2	3,35	91,33	34	Giỏi	
197	2121007328	Đỗ Thị Bích	Diệu	21DQH2	3,23	86,67	37	Giỏi	
198	2121000477	Lê Yến	Như	CLC_21DMA01	3,61	92,00	41	Xuất sắc	
199	2121000441	Đỗ Trung	Phát	CLC_21DMA01	3,47	87,33	41	Giỏi	
200	2121003705	Trần Diễm	Châu	CLC_21DMA01	3,31	94,00	41	Giỏi	
201	2121006951	Trần Thị Quỳnh	Nga	CLC_21DMA01	3,29	87,33	41	Giỏi	
202	2121007227	Trần Mỹ	Ngân	CLC_21DMA01	3,29	81,33	41	Giỏi	
203	2121001749	Nguyễn Đăng	Huy	CLC_21DMA01	3,26	81,33	41	Giỏi	
204	2121000505	Lê Quốc Thiên	Hương	CLC_21DMA01	3,20	91,00	41	Giỏi	
205	2121003568	Tiên Bích	Tuyền	CLC_21DMA02	3,69	92,00	41	Xuất sắc	
206	2121003604	Hồ Phạm Như	Ý	CLC_21DMA02	3,63	95,00	41	Xuất sắc	
207	2121009922	Trần Nguyễn Phương	Nghi	CLC_21DMA02	3,55	88,67	41	Giỏi	
208	2121000413	Võ Thị Cát	Thùy	CLC_21DMA02	3,50	87,67	41	Giỏi	
209	2121003445	Võ Nhựt	Thanh	CLC_21DMA02	3,40	96,00	41	Giỏi	
210	2121003414	Lê Vũ Đoàn	Phương	CLC_21DMA02	3,38	86,67	41	Giỏi	
211	2121003694	Hoàng Thị Thu	Hương	CLC_21DMA02	3,37	90,67	41	Giỏi	
212	2121003456	Bùi Dương Minh	Hà	CLC_21DMA02	3,35	91,67	41	Giỏi	
213	2121009886	Hoàng Ngọc Mỹ	Hằng	CLC_21DMA02	3,34	89,33	41	Giỏi	
214	2121003800	Lê Trương Bảo	Khuê	CLC_21DMA02	3,34	85,67	41	Giỏi	
215	2121003372	Trương Thị Trúc	Phương	CLC_21DMA02	3,33	91,00	41	Giỏi	
216	2121003597	Nguyễn Trung	Tính	CLC_21DMA02	3,30	95,00	41	Giỏi	
217	2121003614	Nguyễn Hoàng	Mi	CLC_21DMA02	3,30	91,67	41	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
218	2121003664	Phạm Gia Phương	Linh	CLC_21DMA02	3,28	90,00	41	Giỏi	
219	2121009846	Trần Kim	Yến	CLC_21DMA03	3,57	88,33	38	Giỏi	
220	2121000401	Nguyễn Minh	Thư	CLC_21DMA03	3,55	88,33	41	Giỏi	
221	2121009909	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	CLC_21DMA03	3,44	85,00	41	Giỏi	
222	2121000494	Trương Ngọc Quỳnh	Trang	CLC_21DMA03	3,41	88,67	41	Giỏi	
223	2121003587	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	CLC_21DMA03	3,32	92,00	41	Giỏi	
224	2121003354	Nguyễn Thành	Luân	CLC_21DMA04	3,61	92,00	41	Xuất sắc	
225	2121007359	Lê Trung	Tín	CLC_21DMA04	3,45	94,67	41	Giỏi	
226	2121003387	Hà Nhật	Anh	CLC_21DMA04	3,42	85,67	38	Giỏi	
227	2121012135	Võ Thị Hồng	Tươi	CLC_21DMA04	3,41	94,67	41	Giỏi	
228	2121003542	Nguyễn Thị Băng	Tâm	CLC_21DMA04	3,39	91,00	41	Giỏi	
229	2121000465	Nguyễn Thị Lan	Chi	CLC_21DMA04	3,32	90,00	41	Giỏi	
230	2121012582	Huỳnh Đặng Minh	Quân	CLC_21DMA04	3,30	87,67	41	Giỏi	
231	2121003610	Trần Ngọc Vy	Thư	CLC_21DMA04	3,25	91,67	41	Giỏi	
232	2121012999	Trần Khắc	Long	CLC_21DMA04	3,21	94,33	41	Giỏi	
233	2121013215	Phạm Thị Quỳnh	Như	CLC_21DMA04	3,21	84,67	41	Giỏi	
234	2121012919	Trần Thị Kim	Ngọc	CLC_21DMA05	3,59	83,67	35	Giỏi	
235	2121011843	Đoàn Cẩm	Tiên	CLC_21DMA05	3,28	94,67	43	Giỏi	
236	2121013575	Phạm Xuân Nguyệt	Quý	CLC_21DMA05	3,28	88,67	43	Giỏi	
237	2121013300	Bùi Thị Mộng	Vy	CLC_21DMA05	3,26	83,67	41	Giỏi	
238	2121003851	Nguyễn Lê Quỳnh	Chi	CLC_21DMC01	3,59	91,00	35	Giỏi	
239	2121009867	Phùng Bảo	Trân	CLC_21DMC01	3,57	92,00	35	Giỏi	
240	2121000339	Lê Kỳ	Duyên	CLC_21DMC01	3,57	91,00	41	Giỏi	
241	2121003668	Nguyễn Thái	Bảo	CLC_21DMC01	3,55	95,00	41	Giỏi	
242	2121000451	Ngô Thiên	Trang	CLC_21DMC01	3,53	92,00	35	Giỏi	
243	2121002523	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	CLC_21DMC01	3,49	95,00	41	Giỏi	
244	2121003500	Đặng Phương	Quỳnh	CLC_21DMC01	3,49	94,33	35	Giỏi	
245	2121000352	Hồ Thị Hoài	An	CLC_21DMC01	3,45	87,67	41	Giỏi	
246	2121003660	Giảng	Thi	CLC_21DMC01	3,41	84,67	41	Giỏi	
247	2121003552	Vũ Văn	Anh	CLC_21DMC01	3,39	92,00	41	Giỏi	
248	2121003405	Phan Ngọc Trang	Thơ	CLC_21DMC01	3,38	92,00	35	Giỏi	
249	2121003427	Mạc Quốc	Vinh	CLC_21DMC01	3,36	87,67	41	Giỏi	
250	2121003852	Nguyễn Trương Phương	Uyên	CLC_21DMC01	3,28	82,33	41	Giỏi	
251	2121003829	Nguyễn Thị	Giàu	CLC_21DMC01	3,27	92,00	41	Giỏi	
252	2121003784	Lê Ngọc Tường	Vy	CLC_21DMC01	3,25	88,33	41	Giỏi	
253	2121009919	Vũ Ngọc Bích	Đoan	CLC_21DMC02	3,58	88,33	41	Giỏi	
254	2121003376	Châu Vĩnh	Cường	CLC_21DMC02	3,58	87,00	41	Giỏi	
255	2121003439	Đoàn Ngọc Như	Yến	CLC_21DMC02	3,56	94,00	41	Giỏi	
256	2121009914	Đinh Tâm	Như	CLC_21DMC02	3,54	89,67	41	Giỏi	
257	2121013070	Nguyễn Mai Hạnh	Vy	CLC_21DMC02	3,44	87,67	41	Giỏi	
258	2121003442	Đỗ Ngọc	Hân	CLC_21DMC02	3,41	85,00	41	Giỏi	
259	2121003385	Ngô Phương	Uyên	CLC_21DMC02	3,37	85,00	34	Giỏi	
260	2121003832	Dương Bích	Quân	CLC_21DMC02	3,30	82,67	41	Giỏi	
261	2121003484	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	CLC_21DMC02	3,26	85,67	41	Giỏi	
262	2121003371	Nguyễn Võ Quế	Hương	CLC_21DMC02	3,20	89,33	41	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
263	2121010857	Nguyễn Hưng	Thịnh	CLC_21DMC03	3,61	91,00	41	Xuất sắc	
264	2121003457	Nguyễn Thúy	Anh	CLC_21DMC03	3,58	91,00	41	Giỏi	
265	2121003665	Du Gia	Khuong	CLC_21DMC03	3,46	82,00	41	Giỏi	
266	2121003455	Nguyễn Quỳnh	Ngân	CLC_21DMC03	3,42	91,00	41	Giỏi	
267	2121003710	Nguyễn Ngọc	Thảo	CLC_21DMC03	3,36	91,00	41	Giỏi	
268	2121003719	Nguyễn Thái Mỹ	Hiền	CLC_21DMC03	3,36	82,00	41	Giỏi	
269	2121003357	Đỗ Thị Hồng	Nghi	CLC_21DMC03	3,33	86,67	41	Giỏi	
270	2121000274	Châu Thanh	Toàn	CLC_21DMC03	3,33	84,33	41	Giỏi	
271	2121008563	Đặng Nguyễn Minh	Trang	CLC_21DMC03	3,32	91,00	41	Giỏi	
272	2121013492	Nguyễn Mỹ	Nhung	CLC_21DMC03	3,31	92,00	41	Giỏi	
273	2121003350	Nguyễn Lê Như	Kim	CLC_21DMC03	3,20	89,33	41	Giỏi	
274	2121003402	Lê Huy	Minh	CLC_21DMC04	3,55	91,00	41	Giỏi	
275	2121003654	Nguyễn Nguyệt	Phuong	CLC_21DMC04	3,45	91,67	41	Giỏi	
276	2121003466	Nguyễn Chí	Thành	CLC_21DMC04	3,43	91,00	41	Giỏi	
277	2121003555	Phan Lê Thanh	Ngân	CLC_21DMC04	3,33	93,67	41	Giỏi	
278	2121003704	Đỗ Gia	Huy	CLC_21DMC04	3,30	87,00	41	Giỏi	
279	2121003505	Huỳnh Thái Trang	Nhi	CLC_21DMC04	3,28	93,00	41	Giỏi	
280	2121009907	Quách Phạm Vân	Thảo	CLC_21DMC04	3,28	90,00	41	Giỏi	
281	2121003658	Phạm Thị Cẩm	Tú	CLC_21DMC04	3,27	89,33	41	Giỏi	
282	2121013345	Lâm Ngọc Tường	Vy	CLC_21DMC05	3,47	83,00	41	Giỏi	
283	2121012752	Nguyễn Cao Minh	Thành	CLC_21DMC05	3,45	90,67	41	Giỏi	
284	2121011966	Nguyễn Châu Như	Ngọc	CLC_21DMC05	3,42	94,00	41	Giỏi	
285	2121013424	Vũ Thị Tuyết	Trinh	CLC_21DMC05	3,41	82,67	41	Giỏi	
286	2121013817	Nguyễn Hồng	Liên	CLC_21DMC05	3,37	88,00	41	Giỏi	
287	2121012333	Ngô	Hoàng	CLC_21DMC05	3,27	85,00	41	Giỏi	
288	2121013200	Lê Trần Hoàng	Trâm	CLC_21DMC05	3,21	85,33	38	Giỏi	
289	2121013449	Lương Gia	Cần	CLC_21DMC06	3,52	89,33	41	Giỏi	
290	2121012039	Đoàn Dương Thanh	Vân	CLC_21DMC06	3,49	93,00	41	Giỏi	
291	2121013500	Trịnh Thị Hồng	Nhung	CLC_21DMC06	3,44	92,00	41	Giỏi	
292	2121012953	Trần Khánh	Đoan	CLC_21DMC06	3,40	90,00	41	Giỏi	
293	2121012081	Nguyễn Quỳnh	Như	CLC_21DMC06	3,37	88,33	41	Giỏi	
294	2121013666	Lê Văn	Tài	CLC_21DMC06	3,27	90,00	41	Giỏi	
295	2121004160	Hà Minh	Hằng	CLC_21DMC06	3,24	80,33	38	Giỏi	
	Cộng	295							
VI	Khoa Ngoại ngữ								
1	1921000036	Nguyễn Thị Kim	Hợp	19DTA01	3,49	87,67	34	Giỏi	
2	1921003297	Nguyễn Thị Diễm	Phúc	19DTA02	3,40	90,33	36	Giỏi	
3	2021002401	Đoàn Quốc	Thái	20DTA01	3,39	93,00	45	Giỏi	
4	2021002475	Lê Ngọc Vĩnh	Nhi	20DTA01	3,35	93,00	42	Giỏi	
5	2021002563	Lê Nguyễn Yến	Khoa	20DTA02	3,33	93,00	42	Giỏi	
6	2021007660	Nguyễn Ngọc	Linh	20DTA02	3,24	86,67	46	Giỏi	
7	2021002324	Hoàng Trọng	Nghĩa	20DTA02	3,20	95,00	42	Giỏi	
8	2021007731	Lưu Kiến	Vinh	20DTA03	3,44	92,00	42	Giỏi	
9	2021007658	Lê Khánh	Linh	20DTA03	3,42	91,00	42	Giỏi	
10	2021007635	Phạm Thị Ngọc	Duyên	20DTA03	3,37	89,00	42	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
11	2021007694	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	20DTA03	3,34	84,00	42	Giỏi	
12	2021007709	Nguyễn Thị Kiều	Trang	20DTA03	3,29	83,00	40	Giỏi	
13	2121006101	Lại Trương Hoài	Nam	21DTA01	3,44	86,33	43	Giỏi	
14	2121006152	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	21DTA01	3,36	93,00	49	Giỏi	
15	2121006102	Lê Thị Xuân	Mai	21DTA01	3,27	88,33	46	Giỏi	
16	2121010633	Trần Nguyễn Sa	Sa	21DTA01	3,21	92,67	46	Giỏi	
17	2121006056	Lê Phước	Nhân	21DTA02	3,48	83,00	46	Giỏi	
18	2121013642	Lê Khánh	Quỳnh	21DTA02	3,46	80,33	43	Giỏi	
19	2121005999	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	21DTA02	3,39	95,00	43	Giỏi	
20	2121006266	Mã Xuân	Thảo	21DTA02	3,29	90,00	46	Giỏi	
21	2121013518	Hứa Hoàng Diệp	Ấn	21DTA03	3,27	91,00	49	Giỏi	
22	2121011961	Lê Thị Như	Ngọc	21DTA04	3,49	89,00	46	Giỏi	
23	2121012710	Phạm Ngọc Khánh	Huyền	21DTA04	3,35	87,00	40	Giỏi	
24	2121013674	Trần Thùy	Trang	21DTA04	3,25	87,33	43	Giỏi	
	Cộng	24							
VII	Khoa Quản trị kinh doanh								
1	1921003458	Nguyễn Thị Hải	Đường	19DQT5	3,36	84,33	34	Giỏi	
2	1921003425	Trần Thị Kim	Chi	CLC_19DQT08	3,56	87,33	39	Giỏi	
3	2021002969	Phạm Thị Xuân	Mai	20DBH1	3,52	91,33	39	Giỏi	
4	2021002867	Trần Hồng Quỳnh	Như	20DBH1	3,45	94,00	39	Giỏi	
5	2021003730	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20DBH1	3,38	95,67	36	Giỏi	
6	2021003269	Lê Thị Kim	Nhung	20DBH1	3,36	91,00	37	Giỏi	
7	2021007998	Phan Thị Thanh	Tuyền	20DBH1	3,23	89,00	36	Giỏi	
8	2021003260	Bùi Gia	Thụy	20DBH1	3,23	88,33	38	Giỏi	
9	2021003014	Nguyễn Thị Thùy	Dung	20DBH1	3,20	89,00	36	Giỏi	
10	2021003737	Trần Ngọc	Nhị	20DBH2	3,33	82,00	36	Giỏi	
11	2021003267	Huỳnh Thị Hoàng	Yến	20DBH2	3,31	93,00	39	Giỏi	
12	2021003103	Trần Thị Tường	Vi	20DBH2	3,29	80,33	36	Giỏi	
13	2021002928	Ngô Thị Diệu	Linh	20DBH2	3,25	90,00	40	Giỏi	
14	2021003419	Phạm Thị Hồng	Nhung	20DBH2	3,23	80,33	37	Giỏi	
15	2021003507	Lý Thu	Hiền	20DBH2	3,22	82,00	36	Giỏi	
16	2021008012	Trần Thị Yến	Vy	20DBH3	3,34	85,67	39	Giỏi	
17	2021002964	Nguyễn Lê Bảo	Trâm	20DBH3	3,33	91,00	44	Giỏi	
18	2021003447	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	20DBH3	3,30	92,00	42	Giỏi	
19	2021003097	Võ Hồ Ngọc	My	20DBH3	3,28	90,00	39	Giỏi	
20	2021007965	Nguyễn Thị Kiều	Thu	20DBH3	3,28	90,00	43	Giỏi	
21	2021007927	Hà Minh	Quân	20DBH3	3,22	82,67	36	Giỏi	
22	2021003292	Nguyễn Ái	Vy	20DBH3	3,22	81,33	39	Giỏi	
23	2021003457	Dương Tiểu	Phụng	20DBH3	3,20	83,00	36	Giỏi	
24	2021003171	Lê Trương Hoàng	Vy	20DDA	3,53	93,00	36	Giỏi	
25	2021003256	Lã Thị Ngân	Ly	20DDA	3,41	87,67	36	Giỏi	
26	2021003713	Nguyễn Thị Thanh	Loan	20DDA	3,31	88,67	36	Giỏi	
27	2021003659	Nguyễn Thị Thúy	Huỳnh	20DDA	3,24	89,33	36	Giỏi	
28	2021003543	Trương Vĩnh	Khoa	20DDA	3,24	87,67	33	Giỏi	
29	2021000530	Nguyễn Quốc	Thái	20DDA	3,23	87,33	36	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
30	2021002960	Huỳnh Công	Vinh	20DQT1	3,46	92,67	42	Giỏi	
31	2021002876	Nguyễn Thanh	An	20DQT1	3,44	92,67	36	Giỏi	
32	2021007939	Dương Thị Tuyết	Sương	20DQT1	3,38	91,00	36	Giỏi	
33	2021002987	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	20DQT1	3,38	89,00	33	Giỏi	
34	2021003210	Trần Thị Ngọc	Hạnh	20DQT1	3,32	82,33	42	Giỏi	
35	2021003312	Nguyễn Thị	Ngọc	20DQT1	3,28	85,33	42	Giỏi	
36	2021003252	Cao Thảo	Ngân	20DQT1	3,27	85,00	36	Giỏi	
37	2021003240	Vũ Thị Thu	Hà	20DQT1	3,26	89,33	36	Giỏi	
38	2021003248	Trần Thị Thanh	Thảo	20DQT1	3,26	86,33	36	Giỏi	
39	2021007806	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	20DQT1	3,26	85,00	39	Giỏi	
40	2021003729	Nguyễn Trần Minh	Anh	20DQT1	3,24	83,00	41	Giỏi	
41	2021007867	Nguyễn Thị Diệu	Linh	20DQT1	3,22	87,33	42	Giỏi	
42	2021003581	Lê Thị Diệp	Ngọc	20DQT2	3,59	96,00	36	Giỏi	
43	2021003358	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	20DQT2	3,55	96,00	33	Giỏi	
44	2021003626	Huỳnh Trung	Nguyên	20DQT2	3,45	92,33	39	Giỏi	
45	2021007862	Đặng Thị Mỹ	Linh	20DQT2	3,44	96,33	36	Giỏi	
46	2021007911	Dương Ngọc	Như	20DQT2	3,44	83,00	36	Giỏi	
47	2021003718	Lê Thị Kiều	Nhi	20DQT2	3,43	85,00	33	Giỏi	
48	2021002963	Trần Vũ Anh	Thi	20DQT2	3,41	93,00	36	Giỏi	
49	2021000499	Mạnh Thị Thùy	Trang	20DQT2	3,41	83,67	36	Giỏi	
50	2021007805	Tạ Đình Nhật	Duy	20DQT2	3,37	97,33	36	Giỏi	
51	2021003530	Phạm Thị Bích	Phượng	20DQT2	3,35	92,00	39	Giỏi	
52	2021000496	Lê Thị Yến	Thơ	20DQT2	3,35	90,00	36	Giỏi	
53	2021003434	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	20DQT2	3,35	89,00	33	Giỏi	
54	2021007832	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	20DQT2	3,35	80,67	36	Giỏi	
55	2021002974	Nguyễn Lê Tú	Trình	20DQT2	3,34	82,00	36	Giỏi	
56	2021003519	Ngô Huỳnh Đông	Nghi	20DQT2	3,33	92,67	39	Giỏi	
57	2021003677	Nguyễn Hoàng	Huyền	20DQT2	3,31	86,00	36	Giỏi	
58	2021003441	Lâm Thanh	Mạnh	20DQT2	3,29	89,00	33	Giỏi	
59	2021003649	Võ Thị	Thảo	20DQT2	3,25	90,33	33	Giỏi	
60	2021003438	Dương Thị Huỳnh	Như	20DQT2	3,25	82,33	43	Giỏi	
61	2021007967	Phan Minh	Thuận	20DQT2	3,23	82,67	36	Giỏi	
62	2021003040	Nguyễn Khánh	Linh	20DQT2	3,21	89,00	36	Giỏi	
63	2021007785	Lê Hoàng	Ân	20DQT3	3,71	95,33	36	Xuất sắc	
64	2021000501	Trương Thị Tuyết	Thương	20DQT3	3,54	93,67	40	Giỏi	
65	2021003339	Lê Thị Mỹ	Hung	20DQT3	3,54	89,00	37	Giỏi	
66	2021007914	Nguyễn Thị Minh	Như	20DQT3	3,52	93,00	36	Giỏi	
67	2021002933	Trần Tuyết	Nhi	20DQT3	3,38	92,00	39	Giỏi	
68	2021007860	Nguyễn Trường	Lâm	20DQT3	3,37	93,00	36	Giỏi	
69	2021007784	Phùng Thị Ngọc	Ánh	20DQT3	3,36	93,00	36	Giỏi	
70	2021003666	Nguyễn Quỳnh	Như	20DQT3	3,32	93,00	46	Giỏi	
71	2021003712	Bùi Dương Ngọc	Hà	20DQT3	3,31	88,33	36	Giỏi	
72	2021007925	Đặng Thị	Phượng	20DQT3	3,30	82,00	36	Giỏi	
73	2021007877	Dương Huỳnh	Mi	20DQT3	3,29	92,00	38	Giỏi	
74	2021003417	Đặng Thị Thuỳ	Giang	20DQT3	3,26	84,00	41	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
75	2021003494	Thiều Sĩ	Tuyên	20DQT3	3,24	92,33	45	Giỏi	
76	2021003320	Lê Thúy	Bình	20DQT3	3,22	87,33	39	Giỏi	
77	2021007790	Nguyễn Thị	Bình	20DQT4	3,62	92,67	39	Xuất sắc	
78	2021007834	Lê Thị Thu	Hòa	20DQT4	3,51	91,33	35	Giỏi	
79	2021000536	Nguyễn Văn	Ý	20DQT4	3,43	84,33	38	Giỏi	
80	2021006857	Lâm Thị Khánh	Hà	20DQT4	3,41	94,67	35	Giỏi	
81	2021003733	Võ Ngọc	Chương	20DQT4	3,39	90,67	39	Giỏi	
82	2021007843	Đào Nguyễn Văn	Hung	20DQT4	3,39	87,33	40	Giỏi	
83	2021007984	Nguyễn Đức	Trí	20DQT4	3,37	93,00	43	Giỏi	
84	2021003029	Huỳnh Thị Nguyệt	Vân	20DQT4	3,35	92,67	46	Giỏi	
85	2021007889	Nguyễn Kiều	Ngân	20DQT4	3,31	93,00	38	Giỏi	
86	2021003282	Nguyễn Trương Hoài	Thương	20DQT4	3,31	93,00	33	Giỏi	
87	2021003512	Phan Dương Hồng	Ngân	20DQT4	3,30	82,00	45	Giỏi	
88	2021003326	Nguyễn Thị Thu	Giang	20DQT4	3,29	88,33	33	Giỏi	
89	2021003500	Nguyễn Tiểu	Băng	20DQT4	3,28	87,33	36	Giỏi	
90	2021007815	Thiều Trần Thục	Đoan	20DQT4	3,27	88,67	36	Giỏi	
91	2021003407	Nguyễn Huỳnh Ái	Vy	20DQT4	3,21	82,00	39	Giỏi	
92	2021002970	Nguyễn Thị Tố	Trinh	20DQT5	3,76	92,00	33	Xuất sắc	
93	2021002866	Dương Mỹ	Ý	20DQT5	3,53	93,00	42	Giỏi	
94	2021003685	Đoàn Nhật	Quang	20DQT5	3,51	93,00	39	Giỏi	
95	2021000441	Trần Thanh	Hiền	20DQT5	3,43	92,33	46	Giỏi	
96	2021002877	Nguyễn Hải Quỳnh	Như	20DQT5	3,38	89,67	36	Giỏi	
97	2021007828	Nguyễn Đường Minh	Hằng	20DQT5	3,37	87,67	39	Giỏi	
98	2021000488	Đặng Thị	Nguyệt	20DQT5	3,21	80,00	39	Giỏi	
99	2021003280	Nguyễn Nhật	Hạ	20DQT5	3,20	88,33	36	Giỏi	
100	2021006445	Trần Quỳnh	Anh	CLC_20DQT01	3,45	89,33	35	Giỏi	
101	2021002975	Trần Thị Kim	Loan	CLC_20DQT02	3,53	90,33	35	Giỏi	
102	2021008098	Võ Thị Thùy	Linh	CLC_20DQT02	3,41	91,00	38	Giỏi	
103	2021008104	Trần Phụng Hoàng	Minh	CLC_20DQT04	3,74	96,67	34	Xuất sắc	
104	2021008077	Lê Thị Thu	Hương	CLC_20DQT04	3,49	92,00	37	Giỏi	
105	2021008032	Phan Trần Trâm	Anh	CLC_20DQT04	3,43	91,00	37	Giỏi	
106	2021008164	Đào Thị Thanh	Thùy	CLC_20DQT04	3,38	94,00	37	Giỏi	
107	2021008136	Võ Thái Thanh	Như	CLC_20DQT04	3,32	94,67	34	Giỏi	
108	2121013742	Mang Vũ Duy	Tân	21DBH1	3,48	80,67	37	Giỏi	
109	2121013116	Huỳnh Mẫn	Lan	21DBH1	3,44	90,33	37	Giỏi	
110	2121006602	Nguyễn Lê Tuyết	Phương	21DBH1	3,27	91,00	33	Giỏi	
111	2121006991	Dương Thụy Phương	Anh	21DBH2	3,52	85,33	34	Giỏi	
112	2121011574	Nguyễn Phùng Phương	Trinh	21DBH2	3,26	81,33	37	Giỏi	
113	2121001847	Trần Dương Hồng	Cúc	21DBH3	3,46	90,67	34	Giỏi	
114	2121011600	Trần Nguyễn	Phúc	21DDA1	3,46	81,67	34	Giỏi	
115	2121013143	Nguyễn Đan	Trường	21DDA1	3,35	83,67	34	Giỏi	
116	2121001846	Nguyễn Thị Thu	Ba	21DDA2	3,32	85,67	34	Giỏi	
117	2121013090	Huỳnh Chí	Trung	21DDA2	3,29	90,00	37	Giỏi	
118	2121010868	Nguyễn Giao	Xuân	21DDA2	3,26	84,67	37	Giỏi	
119	2121013813	Đỗ Hoàng	Lợi	21DDA2	3,24	86,67	34	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
120	2121001825	Đào Đức	Thắng	21DQT1	3,55	92,00	37	Giỏi	
121	2121007009	Trương Thị Hồng	Minh	21DQT1	3,41	92,00	34	Giỏi	
122	2121001734	Nguyễn Huỳnh Thùy	Luynh	21DQT1	3,27	83,00	37	Giỏi	
123	2121013565	Trương Thị Thúy	Quỳnh	21DQT1	3,22	83,67	37	Giỏi	
124	2121013037	Nguyễn Thị	Hậu	21DQT2	3,36	84,67	34	Giỏi	
125	2121007076	Trần Phương Thảo	Vy	21DQT2	3,29	84,00	37	Giỏi	
126	2121010852	Quan Bảo	Vy	21DQT3	3,68	90,33	37	Xuất sắc	
127	2121012647	Lê Minh	Thy	21DQT3	3,68	88,33	37	Giỏi	
128	2121006672	Nguyễn Thị Quỳnh	Thu	21DQT3	3,36	92,00	34	Giỏi	
129	2121011569	Lê Nguyễn Ngọc	Trinh	21DQT4	3,76	84,33	37	Giỏi	
130	2121013411	Võ Thị	Hường	21DQT4	3,58	92,00	37	Giỏi	
131	2121007022	Đặng Thị	Chiến	21DQT4	3,27	91,67	34	Giỏi	
132	2121011638	Nguyễn Đăng	Doanh	21DQT5	3,50	92,00	34	Giỏi	
133	2121001771	Mạc Thị	Linh	21DQT5	3,50	91,00	37	Giỏi	
134	2121013467	Đặng Phương	Duyên	21DQT5	3,37	91,00	34	Giỏi	
135	2121006798	Lê Thị Thu	Trang	21DQT5	3,22	88,33	40	Giỏi	
136	2121002954	Nguyễn Hà Thanh	Trúc	CLC_21DQT01	3,49	89,67	40	Giỏi	
137	2121003041	Nguyễn Lê Thu	Phương	CLC_21DQT01	3,29	91,00	40	Giỏi	
138	2121011478	Nguyễn Thái Khánh	Ngân	CLC_21DQT02	3,47	91,00	40	Giỏi	
139	2121003056	Đặng Thị Tuyết	Mai	CLC_21DQT02	3,32	90,67	40	Giỏi	
140	2121003338	Lê Bảo	Ngọc	CLC_21DQT03	3,43	90,00	44	Giỏi	
141	2121003055	Trần Thị Quế	Trân	CLC_21DQT03	3,41	89,67	36	Giỏi	
142	2121003322	Nguyễn Châu Minh	Thư	CLC_21DQT03	3,36	87,00	40	Giỏi	
143	2121002984	Lê Bảo	Sương	CLC_21DQT03	3,33	92,33	40	Giỏi	
144	2121003300	Ngô Thị Thu	Hiền	CLC_21DQT03	3,23	88,33	42	Giỏi	
145	2121003126	Nguyễn Hoàng Thảo	My	CLC_21DQT04	3,59	85,67	42	Giỏi	
146	2121002898	Hà Nguyễn Kim	Khánh	CLC_21DQT04	3,52	92,00	40	Giỏi	
147	2121003319	Vũ Thị Thuý	An	CLC_21DQT04	3,49	88,33	40	Giỏi	
148	2121003060	Trần Thị Mỹ	Dung	CLC_21DQT04	3,48	89,33	40	Giỏi	
149	2121003107	Lê Thị Linh	Chi	CLC_21DQT04	3,44	92,00	40	Giỏi	
150	2121003225	Nguyễn Hoàng	Hiếu	CLC_21DQT04	3,35	86,33	40	Giỏi	
151	2121012309	Lý Diệp Linh	Đan	CLC_21DQT05	3,52	91,67	39	Giỏi	
152	2121003335	Nguyễn Thị Ngọc	Như	CLC_21DQT05	3,35	95,00	42	Giỏi	
153	2121002968	Phạm Thị Hải	Yến	CLC_21DQT05	3,24	96,67	48	Giỏi	
154	2121010753	Lê Nguyễn Nam	Phương	CLC_21DQT06	3,72	87,67	40	Giỏi	
155	2121013809	Phạm Tuấn	Lộc	CLC_21DQT06	3,35	92,00	42	Giỏi	
156	2121011889	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	CLC_21DQT06	3,31	92,00	42	Giỏi	
157	2121012327	Nguyễn Huy	Đức	CLC_21DQT06	3,29	88,67	40	Giỏi	
158	2121006592	Huỳnh Dương Khánh	Uyên	CLC_21DQT06	3,20	84,33	40	Giỏi	
159	2121013303	Dương Phan Tường	Vy	CLC_21DQT07	3,32	87,33	40	Giỏi	
160	2121012897	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	CLC_21DQT08	3,37	95,00	40	Giỏi	
161	2121012924	Võ Thị Yến	Ngọc	CLC_21DQT08	3,25	92,00	37	Giỏi	
	Cộng	161							
VIII	Khoa Tài chính - Ngân hàng								
1	1921002505	Lê Nguyễn Phương	Trang	19DNH1	3,31	83,67	34	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
2	1921004517	Đàm Thị Mỹ	Ngân	19DTC2	3,21	82,33	37	Giỏi	
3	1921004806	Đinh Thảo	Vy	19DTC3	3,20	86,33	37	Giỏi	
4	1921002571	Phạm Phúc	Khang	CLC_19DNH01	3,78	95,67	34	Xuất sắc	
5	1921006330	Tôn Ý	Nhi	CLC_19DNH01	3,50	91,33	35	Giỏi	
6	1921006205	Trần Nguyễn Quỳnh	Giao	CLC_19DNH01	3,29	88,00	34	Giỏi	
7	1921002561	Nguyễn Thị Yến	Nhi	CLC_19DNH01	3,23	92,00	41	Giỏi	
8	1921006339	Trương Chúc	Như	CLC_19DNH02	3,36	85,33	34	Giỏi	
9	1921006223	Đặng Phú	Hiệp	CLC_19DNH02	3,28	97,00	34	Giỏi	
10	1921006346	Nguyễn Thị Thùy	Oanh	CLC_19DNH03	3,49	88,00	35	Giỏi	
11	1921006203	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	CLC_19DNH03	3,41	82,00	34	Giỏi	
12	1921006276	Dương Tiểu	Lợi	CLC_19DNH03	3,36	87,33	38	Giỏi	
13	1921006233	Nguyễn Thị Diễm	Hương	CLC_19DNH03	3,26	84,67	38	Giỏi	
14	1921006446	Nguyễn Minh	Tuấn	CLC_19DTC02	3,28	83,67	35	Giỏi	
15	1921002572	Trần Ngân	Xuân	CLC_19DTC03	3,34	82,67	34	Giỏi	
16	2021000902	Phạm Thảo	Nguyên	20DIF	3,27	88,00	39	Giỏi	
17	2021009432	Lâm Nguyễn Quỳnh	Ny	20DIF	3,24	80,00	36	Giỏi	
18	2021009333	Phạm Minh	Kha	20DIF	3,22	89,33	39	Giỏi	
19	2021009554	Nguyễn Thị Khánh	Vi	20DIF	3,20	91,67	36	Giỏi	
20	2021005198	Nguyễn Thị Yến	Nhi	20DNH1	3,61	91,00	37	Xuất sắc	
21	2021009259	Trần Khương	Duy	20DNH1	3,60	94,00	38	Xuất sắc	
22	2021004784	Trương Diệu	Ái	20DNH1	3,57	95,00	35	Giỏi	
23	2021000831	Trần Lê Thành	Nhân	20DNH1	3,55	81,33	42	Giỏi	
24	2021004732	Nguyễn Thị Yến	Nhi	20DNH1	3,45	90,33	35	Giỏi	
25	2021009564	Nguyễn Thị Yến	Vy	20DNH1	3,42	86,00	42	Giỏi	
26	2021004598	Đinh Thị	Quỳnh	20DNH1	3,41	86,00	45	Giỏi	
27	2021005005	Phan Trần Khánh	Linh	20DNH1	3,39	94,67	38	Giỏi	
28	2021009314	Phạm Thị	Hồng	20DNH1	3,30	88,33	34	Giỏi	
29	2021009574	Thân Hoàng	Yến	20DNH1	3,28	80,33	35	Giỏi	
30	2021009350	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	20DNH1	3,26	89,33	42	Giỏi	
31	2021009500	Dương Thị	Thương	20DNH1	3,22	84,67	35	Giỏi	
32	2021009303	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	20DNH2	3,52	88,00	40	Giỏi	
33	2021009342	Trương Thị Minh	Kiều	20DNH2	3,48	81,33	33	Giỏi	
34	2021005063	Hoàng Thị	Nhi	20DNH2	3,39	94,67	38	Giỏi	
35	2021004863	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	20DNH2	3,39	92,33	34	Giỏi	
36	2021009527	Nguyễn Thị Phương	Trinh	20DNH2	3,38	88,67	33	Giỏi	
37	2021005053	Hoàng Võ Phụng	Uyên	20DNH2	3,35	84,00	42	Giỏi	
38	2021009288	Phạm Nhật	Hào	20DNH2	3,34	80,67	37	Giỏi	
39	2021004757	Hồ Thị Mai	Ly	20DNH2	3,25	83,00	38	Giỏi	
40	2021007290	Thạch Thị Hiếu	Nhi	20DNH2	3,24	87,67	35	Giỏi	
41	2021004879	Phạm Đình Phương	Linh	20DNH2	3,21	91,00	34	Giỏi	
42	2021004570	Lê Thị Ngọc	Thắm	20DTC1	3,76	89,67	36	Giỏi	
43	2021004811	Huỳnh Liễu	Diễn	20DTC1	3,59	80,33	39	Giỏi	
44	2021009297	Hoàng Huỳnh Thúy	Hiền	20DTC1	3,50	89,00	36	Giỏi	
45	2021009254	Đặng Thị Thùy	Dung	20DTC1	3,50	85,67	39	Giỏi	
46	2021009431	Trương Thị	Nữ	20DTC1	3,49	92,00	36	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
47	2021009313	Nguyễn Thị Thu	Hồng	20DTC1	3,45	92,00	39	Giỏi	
48	2021009343	Đinh Thị Hoàng	Lan	20DTC1	3,44	88,00	39	Giỏi	
49	2021004812	Nguyễn Thị	Nhung	20DTC1	3,42	80,67	36	Giỏi	
50	2021005202	Mai Quỳnh	Như	20DTC1	3,39	93,00	39	Giỏi	
51	2021009398	Bùi Thị Hồng	Ngọc	20DTC1	3,35	88,00	42	Giỏi	
52	2021009428	Trịnh Ngọc Quỳnh	Như	20DTC1	3,31	82,33	33	Giỏi	
53	2021009298	Lê Thị Mỹ	Hiền	20DTC1	3,29	86,00	36	Giỏi	
54	2021009347	Đỗ Khánh	Linh	20DTC1	3,28	94,67	36	Giỏi	
55	2021009281	Trần Hương	Giang	20DTC1	3,26	85,33	39	Giỏi	
56	2021009383	Nguyễn Nhật Diễm	My	20DTC1	3,26	85,33	36	Giỏi	
57	2021004974	Đào Thị Đài	Trang	20DTC1	3,25	81,67	39	Giỏi	
58	2021009284	Huỳnh Thị Thanh	Hà	20DTC1	3,24	85,00	36	Giỏi	
59	2021009294	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	20DTC1	3,24	83,33	36	Giỏi	
60	2021005168	Phạm Thị Kim	Ngân	20DTC1	3,23	91,33	36	Giỏi	
61	2021009420	Võ Thị Yến	Nhi	20DTC1	3,21	92,00	36	Giỏi	
62	2021004860	Lê Thị Kim	Oanh	20DTC2	3,68	91,33	39	Xuất sắc	
63	2021009310	Nguyễn Trần Minh	Hoài	20DTC2	3,56	84,00	39	Giỏi	
64	2021009531	Tô Đặng Anh	Trúc	20DTC2	3,53	91,33	36	Giỏi	
65	2021009445	Nguyễn Thị Hoàng	Phương	20DTC2	3,51	97,33	39	Giỏi	
66	2021004691	Võ Thị Thùy	Trang	20DTC2	3,47	93,67	39	Giỏi	
67	2021005087	Lê Thị Huỳnh	Như	20DTC2	3,41	88,67	39	Giỏi	
68	2021009519	Nguyễn Lê	Trâm	20DTC2	3,40	97,33	36	Giỏi	
69	2021004847	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	20DTC2	3,37	88,33	39	Giỏi	
70	2021005270	Phan Thị Minh	Diệu	20DTC2	3,36	86,67	36	Giỏi	
71	2021009476	Lâm Thị Thu	Thảo	20DTC2	3,34	84,33	39	Giỏi	
72	2021009402	Nguyễn Thị Thuý	Ngọc	20DTC2	3,33	89,00	39	Giỏi	
73	2021004619	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	20DTC2	3,32	92,00	39	Giỏi	
74	2021009478	Trần Hồng	Thảo	20DTC2	3,31	81,67	42	Giỏi	
75	2021005068	Nguyễn Thị Mai	Xuân	20DTC2	3,29	91,33	36	Giỏi	
76	2021009410	Phạm Ngọc Thanh	Nguyệt	20DTC2	3,29	80,00	39	Giỏi	
77	2021009413	Hồ Thị	Nhi	20DTC2	3,28	82,00	33	Giỏi	
78	2021004943	Nguyễn Thị	Hậu	20DTC2	3,25	92,67	33	Giỏi	
79	2021009283	Đặng Thị Thu	Hà	20DTC2	3,23	80,33	33	Giỏi	
80	2021009465	Hồ Thạch Phương	Tâm	20DTC2	3,21	94,67	36	Giỏi	
81	2021005404	Phan Thanh	Tuyền	CLC_20DNH01	3,41	92,00	35	Giỏi	
82	2021009847	Võ Triều	Vi	CLC_20DTC03	3,21	89,33	35	Giỏi	
83	2021009758	Vũ Nam	Phương	CLC_20DTC05	3,40	88,33	38	Giỏi	
84	2021009828	Vũ Anh	Tú	CLC_20DTC05	3,20	80,33	38	Giỏi	
85	2021009734	Nguyễn Phạm Hồng	Nhi	CLC_20DTC06	3,41	91,67	38	Giỏi	
86	2021009806	Đặng Đình Ngọc	Trâm	CLC_20DTC06	3,31	95,33	38	Giỏi	
87	2021009787	Trần Kim	Thảo	CLC_20DTC06	3,31	92,00	38	Giỏi	
88	2021009625	Phạm Nguyễn Kiều	Giang	CLC_20DTC06	3,27	92,33	38	Giỏi	
89	2021009775	Lê Nguyễn Thanh	Tâm	CLC_20DTC07	3,38	92,00	35	Giỏi	
90	2021009537	Ngô Thị Anh	Tú	CLC_20DTC07	3,36	91,67	38	Giỏi	
91	2021010105	Trương Công Việt	Anh	CLC_20DTC07	3,22	89,00	44	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
92	2021009781	Phạm Thị Lâm	Thanh	CLC_20DTC07	3,21	91,33	35	Giỏi	
93	2121012269	Cao Thị Thanh	Xuân	21DNH1	3,45	87,33	36	Giỏi	
94	2121011963	Mai Nguyễn Như	Ngọc	21DNH1	3,21	91,00	33	Giỏi	
95	2121012239	Trần Thị	Thom	21DNH2	3,29	92,00	36	Giỏi	
96	2121013427	Đặng Thị Minh	Triều	21DNH2	3,28	90,00	33	Giỏi	
97	2121011586	Phan Văn	Phú	21DTC1	3,78	91,00	36	Xuất sắc	
98	2121011208	Nguyễn Thị Mỹ	Nhi	21DTC1	3,50	84,00	36	Giỏi	
99	2121013325	Nguyễn Thúy	Hằng	21DTC1	3,41	91,33	36	Giỏi	
100	2121013406	Trần Việt	Hung	21DTC1	3,40	88,33	33	Giỏi	
101	2121013506	Cái Thị Quỳnh	Như	21DTC1	3,36	89,33	36	Giỏi	
102	2121013087	Võ Thị Thanh	Trúc	21DTC1	3,31	91,00	36	Giỏi	
103	2121012788	Nguyễn Thanh	Tú	21DTC1	3,26	82,00	33	Giỏi	
104	2121008843	Trần Thị Thảo	Vi	21DTC1	3,24	91,00	33	Giỏi	
105	2121012114	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	21DTC1	3,23	84,33	36	Giỏi	
106	2121011277	Nguyễn Thế	Khải	21DTC1	3,22	84,33	33	Giỏi	
107	2121002525	Trần Anh	Đào	21DTC1	3,20	84,33	36	Giỏi	
108	2121013259	Nguyễn Thị	Nga	21DTC1	3,20	84,00	36	Giỏi	
109	2121012918	Trần Phan Hồng	Ngọc	21DTC2	3,63	93,00	36	Xuất sắc	
110	2121012174	Hoàng Thị Khánh	Linh	21DTC2	3,62	89,00	33	Giỏi	
111	2121008895	Đặng Thị	Trúc	21DTC2	3,52	91,00	33	Giỏi	
112	2121012013	Đặng Mai	Trang	21DTC2	3,37	92,67	36	Giỏi	
113	2121013101	Đỗ Tuấn	Anh	21DTC2	3,37	83,67	33	Giỏi	
114	2121012263	Nguyễn Thị Nhã	Châu	21DTC2	3,31	86,33	33	Giỏi	
115	2121012611	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	21DTC2	3,26	83,33	36	Giỏi	
116	2121013811	Phan Văn	Lực	21DTC2	3,24	84,33	33	Giỏi	
117	2121013280	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21DTC2	3,23	94,00	33	Giỏi	
118	2121013372	Lê Tấn	Tiền	21DTC2	3,21	91,00	39	Giỏi	
119	2121013854	Trần Quốc	Việt	21DTC3	3,62	91,00	33	Xuất sắc	
120	2121008865	Trần Thị Phương	Thảo	21DTC3	3,53	92,00	36	Giỏi	
121	2121002343	Bùi Phú	Hải	21DTC3	3,52	91,00	36	Giỏi	
122	2121008752	Trần Lê Thủy	Tiên	21DTC3	3,51	90,33	36	Giỏi	
123	2121009073	Nguyễn Thị Như	Ngọc	21DTC3	3,44	92,00	33	Giỏi	
124	2121008950	Trần Thị Mỹ	Hằng	21DTC3	3,35	85,67	33	Giỏi	
125	2121012321	Nguyễn Khánh	Đặng	21DTC3	3,33	88,00	36	Giỏi	
126	2121011156	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	21DTC3	3,25	91,00	36	Giỏi	
127	2121008794	Nguyễn Tuyết	Kha	21DTC3	3,24	89,67	33	Giỏi	
128	2121012096	Võ Thị Kim	Yến	21DTC3	3,21	88,00	36	Giỏi	
129	2121008443	Phạm Thị Như	Quỳnh	21DTC3	3,21	87,67	36	Giỏi	
130	2121011309	Trịnh Ngọc Anh	Thư	21DTC3	3,20	88,00	33	Giỏi	
131	2121004844	Nguyễn Đức Gia	Bảo	CLC_21DNH01	3,33	92,00	40	Giỏi	
132	2121008949	Võ Ngọc Bảo	Trâm	CLC_21DNH01	3,28	87,33	39	Giỏi	
133	2121004508	Lê Đặng Tường	Vy	CLC_21DNH01	3,27	80,67	37	Giỏi	
134	2121012487	Lê Trí	Hào	CLC_21DNH02	3,44	91,33	37	Giỏi	
135	2121012672	Nguyễn Hữu Minh	Hiếu	CLC_21DNH02	3,28	93,67	40	Giỏi	
136	2121004448	Dương Bửu	Nhi	CLC_21DTC01	3,65	92,00	43	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
137	2121006454	Lâm Tuấn	Nhã	CLC_21DTC01	3,32	85,00	43	Giỏi	
138	2121002224	Huỳnh Văn	Quốc	CLC_21DTC01	3,29	91,00	45	Giỏi	
139	2121004724	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	CLC_21DTC01	3,27	92,00	43	Giỏi	
140	2121010120	Phạm Nguyễn Thảo	Quỳnh	CLC_21DTC02	3,52	80,67	40	Giỏi	
141	2121013403	Trần Duy	Hưng	CLC_21DTC02	3,43	80,00	40	Giỏi	
142	2121013390	Trần Anh	Thư	CLC_21DTC02	3,28	89,67	40	Giỏi	
143	2121010121	Ngô Chấn	Hưng	CLC_21DTC03	3,42	85,33	40	Giỏi	
144	2121012047	Phan Ngọc Trúc	Vi	CLC_21DTC04	3,42	81,67	40	Giỏi	
145	2121012497	Thái Ngọc Mạnh	Quỳnh	CLC_21DTC05	3,57	92,00	40	Giỏi	
146	2121012226	Vương Bích	Dung	CLC_21DTC05	3,23	93,00	40	Giỏi	
147	2121012092	Phan Nguyễn Thảo	Uyên	CLC_21DTC06	3,58	91,33	39	Giỏi	
148	2121011593	Lại Trọng	Phúc	CLC_21DTC06	3,33	88,00	40	Giỏi	
149	2121012198	Phan Ngọc Kim	Thoa	CLC_21DTC06	3,31	88,33	40	Giỏi	
150	2121013458	Nguyễn Quốc	Cường	CLC_21DTC06	3,29	94,00	40	Giỏi	
151	2121011864	Bùi Huỳnh Tuyết	Nhi	CLC_21DTC06	3,25	89,00	42	Giỏi	
152	2121012615	Nguyễn Thị Thu	Ngân	CLC_21DTC06	3,24	89,33	40	Giỏi	
153	2121012917	Trần Minh	Ngọc	CLC_21DTC07	3,29	91,00	37	Giỏi	
	Cộng	153							
IX	Khoa Thảm định giá - Kinh doanh BĐS								
1	1921004440	Lý Ngọc	Khang	19DTD	3,26	94,33	34	Giỏi	
2	2021004068	Võ Huỳnh Bích	Lê	20DKB01	3,27	89,33	33	Giỏi	
3	2021008697	Huỳnh Bảo	Kha	20DKB01	3,21	92,33	38	Giỏi	
4	2021008661	Nguyễn Văn	Định	20DKB02	3,26	89,33	37	Giỏi	
5	2021008624	Hoàng Thị Phương	Anh	20DKB02	3,26	87,33	35	Giỏi	
6	2021008759	Trương Trọng	Phúc	20DKB03	3,43	85,33	36	Giỏi	
7	2021008663	Nguyễn Kim	Đồng	20DKB03	3,21	84,00	34	Giỏi	
8	2021008721	Nguyễn Công Hoàng	Long	20DKB04	3,34	88,00	34	Giỏi	
9	2021008751	Nguyễn Thủy Quyền	Nhi	20DKB04	3,29	84,67	36	Giỏi	
10	2021007263	Dương Thị Xuân	Phương	20DTD	3,35	86,00	39	Giỏi	
11	2021004616	Hồ Thanh	Hải	20DTD	3,33	96,33	44	Giỏi	
12	2121011494	Nguyễn Phúc Gia	Hân	21DKB01	3,61	86,67	38	Giỏi	
13	2121007891	Hồ Thị Thảo	Nguyên	21DKB01	3,36	95,00	38	Giỏi	
14	2121007893	Trần Thế	Duyên	21DKB01	3,26	88,67	35	Giỏi	
15	2121007839	Trần Gia	Linh	21DKB01	3,26	83,33	38	Giỏi	
16	2121007765	Nguyễn Thị Huỳnh	Nho	21DKB01	3,24	82,33	40	Giỏi	
17	2121012105	Huỳnh Thị Kim	Yến	21DKB02	3,38	89,00	43	Giỏi	
18	2121012120	Trần Thị Kim	Yến	21DKB02	3,30	91,33	43	Giỏi	
19	2121002052	Ngô Ngọc Thanh	Ngân	21DKB02	3,25	83,67	39	Giỏi	
20	2121002061	Dương Đình Ngọc	Trâm	21DKB02	3,21	80,67	43	Giỏi	
21	2121011196	Đặng Hoàng Quốc	Trung	21DTD	3,35	89,33	36	Giỏi	
22	2121011746	Bùi	Khang	CLC_21DKB01	3,44	93,33	41	Giỏi	
23	2121012181	Lê Nguyễn Yến	Linh	CLC_21DKB01	3,20	89,33	41	Giỏi	
	Cộng	23							
X	Khoa Thuế - Hải quan								
1	1921002390	Đỗ Thành	Đạt	19DTX	3,60	89,00	34	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
2	1921004757	Nguyễn Thị Yến	Trinh	19DTX	3,41	88,00	34	Giỏi	
3	2021009247	Nguyễn Đỗ Thu	Cúc	20DHQ1	3,41	82,00	35	Giỏi	
4	2021004772	Hồ Thị Vân	Giang	20DHQ1	3,40	91,67	35	Giỏi	
5	2021005402	Huỳnh Ngọc Thùy	Vân	20DHQ1	3,39	90,33	40	Giỏi	
6	2021009479	Trần Thị Thu	Thảo	20DHQ1	3,38	88,00	37	Giỏi	
7	2021000904	Nguyễn Quang	Nhật	20DHQ1	3,30	82,33	37	Giỏi	
8	2021004870	Phạm Quốc	Hiệu	20DHQ1	3,25	97,00	37	Giỏi	
9	2021009503	Nguyễn Y	Thương	20DHQ1	3,25	94,00	41	Giỏi	
10	2021005445	Huỳnh Thị Mẫn	Nghi	20DHQ1	3,21	91,00	35	Giỏi	
11	2021009400	Lê Thị Kim	Ngọc	20DHQ1	3,21	89,67	37	Giỏi	
12	2021009252	Nguyễn Thúy	Diễm	20DHQ2	3,59	85,67	35	Giỏi	
13	2021004722	Nguyễn Thị Nguyệt	Thủy	20DHQ2	3,47	90,00	37	Giỏi	
14	2021009467	Nguyễn Đỗ Duy	Tân	20DHQ2	3,46	84,00	39	Giỏi	
15	2021005230	Bùi Ngọc Mỹ	Huyền	20DHQ2	3,39	84,67	37	Giỏi	
16	2021009358	Trần Hoàng Khánh	Linh	20DHQ2	3,30	87,00	37	Giỏi	
17	2021000872	Đỗ Khánh	Văn	20DHQ2	3,29	89,00	40	Giỏi	
18	2021009548	Võ Thị Phương	Uyên	20DHQ2	3,25	91,67	39	Giỏi	
19	2021009472	Mạc Thị Quỳnh	Thao	20DHQ2	3,23	85,00	37	Giỏi	
20	2021009504	Phạm Thị	Thương	20DPF	3,55	93,00	36	Giỏi	
21	2021000837	Trương Lê Thị Lan	Anh	20DPF	3,45	92,00	33	Giỏi	
22	2021005450	Phạm Minh	Thuận	20DTX	3,24	98,00	38	Giỏi	
23	2021004901	Nguyễn Thị Hồng	Liên	20DTX	3,23	85,33	33	Giỏi	
24	2021009361	Lê Thị	Loan	20DTX	3,22	83,67	36	Giỏi	
25	2021004736	Nguyễn Thu	Huyền	20DTX	3,20	80,67	36	Giỏi	
26	2121012225	Võ Thị Ngọc	Dung	21DHQ1	3,23	82,00	36	Giỏi	
27	2121013314	Mai Cát	Nhã	21DHQ2	3,21	91,67	36	Giỏi	
28	2121012091	Nguyễn Trần Hoài	Uyên	21DHQ2	3,20	88,67	33	Giỏi	
29	2121011148	Nguyễn Nhật	Trường	21DTX	3,37	91,00	36	Giỏi	
30	2121011548	Nguyễn Thị Trà	My	CLC_21DHQ01	3,39	95,00	42	Giỏi	
31	2121013786	Nguyễn Hoàng Châu	Thanh	CLC_21DHQ01	3,28	91,00	42	Giỏi	
32	2121004648	Trần Công	Hoàng	CLC_21DHQ01	3,27	80,67	33	Giỏi	
33	2121012719	Vũ Ngọc Đăng	Huyền	CLC_21DHQ01	3,22	85,67	33	Giỏi	
	Cộng	33							
XI	Khoa Thương mại								
1	1921001911	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	19DLG	3,26	86,33	34	Giỏi	
2	1921001966	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	19DLG	3,20	84,33	43	Giỏi	
3	1921001616	Hà Gia	Nhi	19DTM3	3,23	92,33	33	Giỏi	
4	1921005910	Nguyễn Duy	Hưng	CLC_19DTM09	3,36	87,67	36	Giỏi	
5	2021008919	Ngô Phương	Ngân	20DKQ1	3,50	85,33	34	Giỏi	
6	2021008831	Đỗ Mai	Anh	20DKQ1	3,44	82,67	34	Giỏi	
7	2021008990	Trần Thị Thanh	Trang	20DKQ1	3,36	89,00	38	Giỏi	
8	2021004349	Phạm Do Thanh	Ngân	20DKQ1	3,29	81,00	34	Giỏi	
9	2021008932	Nguyễn Hữu	Nhân	20DKQ1	3,23	94,67	40	Giỏi	
10	2021008858	Trần Trà	Giang	20DLG1	3,44	95,33	37	Giỏi	
11	2021008843	Võ Trường	Chi	20DLG1	3,44	91,33	37	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
12	2021008828	Lê Thị	An	20DLG1	3,44	85,67	34	Giỏi	
13	2021004451	Huỳnh Thái Phương	Huyền	20DLG1	3,43	83,33	37	Giỏi	
14	2021004359	Đặng Võ Thanh	Nhàn	20DLG1	3,42	92,33	34	Giỏi	
15	2021004475	Nguyễn Thị	Linh	20DLG1	3,41	90,67	37	Giỏi	
16	2021008984	Hồ Nguyễn Ngọc	Trang	20DLG1	3,39	89,33	37	Giỏi	
17	2021004296	Trần Thị Kim	Ngân	20DLG1	3,33	92,00	37	Giỏi	
18	2021008866	Mai Thanh	Hằng	20DLG1	3,33	82,67	37	Giỏi	
19	2021008935	Hồ Thị Yến	Nhi	20DLG1	3,29	85,00	34	Giỏi	
20	2021008961	Huỳnh Thị Kim	Son	20DLG1	3,27	86,00	34	Giỏi	
21	2021008905	Trần Phước	Lộc	20DLG1	3,24	95,00	34	Giỏi	
22	2021000802	Nguyễn Đình Hồng	Minh	20DLG1	3,24	92,67	40	Giỏi	
23	2021008845	Nguyễn Tấn	Công	20DLG1	3,22	94,67	37	Giỏi	
24	2021008907	Nguyễn Thị Khánh	Ly	20DLG2	3,61	88,00	34	Giỏi	
25	2021008834	Huỳnh Thị Ngọc Huệ	Anh	20DLG2	3,59	92,67	34	Giỏi	
26	2021008839	Trịnh Ngọc	Bích	20DLG2	3,49	92,00	40	Giỏi	
27	2021004449	Phạm Hà	My	20DLG2	3,41	89,67	43	Giỏi	
28	2021000783	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	20DLG2	3,41	82,00	34	Giỏi	
29	2021008865	Lê Thị Thúy	Hằng	20DLG2	3,36	89,33	34	Giỏi	
30	2021004157	Võ Ngọc Yến	Nhi	20DLG2	3,33	96,00	37	Giỏi	
31	2021008889	Lê Đoàn Thiện	Khánh	20DLG2	3,28	91,00	37	Giỏi	
32	2021008859	Phạm Thu	Hà	20DLG2	3,24	83,00	40	Giỏi	
33	2021008872	Phạm Ngọc	Hiếu	20DLG2	3,22	87,33	34	Giỏi	
34	2021004203	Lê Trần Xuân	Đào	20DLG2	3,20	92,33	34	Giỏi	
35	2021004151	Trần Kim	Tuyền	20DLG2	3,20	88,67	34	Giỏi	
36	2021008943	Ngô Thị Thuý	Như	20DTM1	3,55	91,33	34	Giỏi	
37	2021008960	Trần Dương	Sang	20DTM1	3,44	93,00	40	Giỏi	
38	2021004277	Hồ Ngọc Phương	Trinh	20DTM1	3,38	89,67	36	Giỏi	
39	2021000808	Dương Trần Hương	Giang	20DTM1	3,37	94,67	34	Giỏi	
40	2021004520	Nguyễn Thoại	Vy	20DTM1	3,35	91,33	36	Giỏi	
41	2021008955	Cao Đoàn Lam	Phương	20DTM1	3,35	86,33	37	Giỏi	
42	2021004404	Huỳnh Thị Cẩm	Quyên	20DTM1	3,33	93,00	36	Giỏi	
43	2021008898	Cao Thùy	Linh	20DTM1	3,33	83,33	37	Giỏi	
44	2021008873	Vũ Quang	Hiệu	20DTM1	3,29	81,00	34	Giỏi	
45	2021004379	Nguyễn Thanh	Trúc	20DTM1	3,25	85,33	34	Giỏi	
46	2021008841	Huỳnh Ngọc Diễm	Châu	20DTM1	3,25	83,00	34	Giỏi	
47	2021004381	Huỳnh Lê Anh	Thy	20DTM2	3,55	85,33	35	Giỏi	
48	2021008928	Nguyễn Thị Như	Ngọc	20DTM2	3,48	86,00	34	Giỏi	
49	2021004158	Tổng Hoài	Linh	20DTM2	3,36	90,33	37	Giỏi	
50	2021004544	Hoàng Thị Kiều	Loan	20DTM2	3,32	93,67	40	Giỏi	
51	2021008838	Trần Thị Bảo	Ân	20DTM2	3,30	84,67	34	Giỏi	
52	2021000797	Ngô Thị Cẩm	Chi	20DTM2	3,29	89,33	34	Giỏi	
53	2021008988	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20DTM2	3,25	88,00	34	Giỏi	
54	2021008993	Võ Thị Lan	Trinh	20DTM2	3,21	92,00	37	Giỏi	
55	2021001849	Nguyễn Trung	Kiên	CLC_20DTM01	3,31	90,33	35	Giỏi	
56	2021006552	Nguyễn Lê Thảo	Vy	CLC_20DTM01	3,22	90,67	41	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
57	2021000213	Khổng Hoàng	Thông	CLC_20DTM02	3,39	96,00	41	Giỏi	
58	2021006616	Lê Nguyễn Trúc	Quỳnh	CLC_20DTM02	3,25	92,00	38	Giỏi	
59	2021001953	Lý Thu	Thảo	CLC_20DTM02	3,25	87,67	41	Giỏi	
60	2021000242	Nguyễn Thị Hoàng	Xuân	CLC_20DTM02	3,24	92,00	41	Giỏi	
61	2021001871	Nguyễn Hữu	Thịnh	CLC_20DTM02	3,20	94,00	47	Giỏi	
62	2021002021	Phạm Thị Thảo	Chi	CLC_20DTM03	3,54	91,00	35	Giỏi	
63	2021002141	Hồ Hoàng	Oanh	CLC_20DTM03	3,39	95,00	35	Giỏi	
64	2021006608	Võ Thanh	Vy	CLC_20DTM03	3,30	95,00	35	Giỏi	
65	2021009151	Huỳnh Hoài	Thương	CLC_20DTM04	3,38	97,33	35	Giỏi	
66	2021007453	Lê Nguyễn Hoàng	Lam	CLC_20DTM04	3,29	87,00	35	Giỏi	
67	2021009149	Trần Thị Anh	Thư	CLC_20DTM05	3,55	80,67	35	Giỏi	
68	2021009156	Nguyễn Thùy	Tiên	CLC_20DTM05	3,51	85,00	35	Giỏi	
69	2021009167	Nguyễn Ngọc	Trâm	CLC_20DTM05	3,39	82,00	35	Giỏi	
70	2021009090	Nguyễn Lý Hồng	Ngân	CLC_20DTM05	3,29	93,33	38	Giỏi	
71	2021009038	Trần Thị Hữu	Duyên	CLC_20DTM05	3,23	82,33	35	Giỏi	
72	2021009138	Lê Hà Ngọc	Thi	CLC_20DTM06	3,36	87,00	38	Giỏi	
73	2021009012	Trần Bùi Mỹ	An	CLC_20DTM06	3,33	87,00	42	Giỏi	
74	2021009130	Bùi Vũ Nhật	Tân	CLC_20DTM06	3,33	85,67	35	Giỏi	
75	2021009033	Nguyễn Xuân Phương	Dung	CLC_20DTM06	3,29	89,00	38	Giỏi	
76	2021009107	Nguyễn Hiếu Hoàng	Nhi	CLC_20DTM06	3,27	84,67	34	Giỏi	
77	2021009060	Thái Minh	Khánh	CLC_20DTM06	3,22	92,00	38	Giỏi	
78	2021009085	Phạm Ngọc Thảo	My	CLC_20DTM07	3,60	92,00	35	Xuất sắc	
79	2021009098	Trần Thị Ánh	Ngọc	CLC_20DTM07	3,57	92,00	41	Giỏi	
80	2021009164	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	CLC_20DTM07	3,30	91,00	35	Giỏi	
81	2021009081	Phạm Nhật	Minh	CLC_20DTM07	3,23	85,67	38	Giỏi	
82	2021009014	Lê Minh	Anh	CLC_20DTM07	3,22	86,67	42	Giỏi	
83	2021008942	Lê Quỳnh	Như	CLC_20DTM08	3,93	92,00	34	Xuất sắc	
84	2021008936	Lê Nguyễn Quỳnh	Nhi	CLC_20DTM08	3,69	92,00	34	Xuất sắc	
85	2021009100	Huỳnh Nguyễn Hạnh	Nguyên	CLC_20DTM08	3,68	92,00	34	Xuất sắc	
86	2021008986	Lương Thị Thu	Trang	CLC_20DTM08	3,61	95,00	40	Xuất sắc	
87	2021008849	Nguyễn Ngọc	Duy	CLC_20DTM08	3,62	88,33	37	Giỏi	
88	2021008880	Vũ Thị	Huyền	CLC_20DTM08	3,48	93,67	37	Giỏi	
89	2021008963	Huỳnh Châu Hiếu	Thảo	CLC_20DTM08	3,47	91,67	40	Giỏi	
90	2021009121	Nguyễn Trúc	Phương	CLC_20DTM08	3,44	89,33	34	Giỏi	
91	2021008933	Nguyễn Mỹ	Nhật	CLC_20DTM08	3,42	91,33	37	Giỏi	
92	2021008970	Dương Tuấn	Thông	CLC_20DTM08	3,26	84,67	40	Giỏi	
93	2021009030	Nguyễn Kiều	Diễm	CLC_20DTM08	3,23	95,00	40	Giỏi	
94	2021008903	Tân Tiểu	Long	CLC_20DTM08	3,20	92,00	40	Giỏi	
95	2021008973	Võ Thị Kim	Thủy	CLC_20DTM09	3,41	95,00	35	Giỏi	
96	2021008882	Đinh Nguyễn Quỳnh	Hương	CLC_20DTM09	3,25	82,33	35	Giỏi	
97	2021002325	Đỗ Minh	Châu	CLC_20DTM09	3,23	81,33	44	Giỏi	
98	2121008104	Võ Thị Yên	Nhi	21DKQ1	3,24	84,33	37	Giỏi	
99	2121008322	Đỗ Thu	Hương	21DKQ2	3,21	89,00	34	Giỏi	
100	2121002106	Nguyễn Thị Trúc	Duyên	21DLG1	3,72	92,00	37	Xuất sắc	
101	2121002121	Trương Ngọc	Diễm	21DLG1	3,61	90,33	40	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
102	2121011079	Nguyễn Tuấn	Khoa	21DLG1	3,58	92,00	40	Giỏi	
103	2121012887	Nguyễn Minh	Chiến	21DLG1	3,58	83,00	37	Giỏi	
104	2121002093	Mai Thị Tú	Nhi	21DLG1	3,55	86,67	40	Giỏi	
105	2121013480	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	21DLG1	3,52	92,00	34	Giỏi	
106	2121013580	Huỳnh Thị Mỹ	Quyên	21DLG1	3,48	82,67	40	Giỏi	
107	2121008143	Trần Thị Kim	Ngân	21DLG1	3,45	82,67	34	Giỏi	
108	2121013126	Võ Trần Dịu	Lanh	21DLG1	3,44	88,33	34	Giỏi	
109	2121011578	Phạm Tú	Trình	21DLG1	3,44	84,00	40	Giỏi	
110	2121002126	Trần Xuân	Huy	21DLG1	3,43	89,33	40	Giỏi	
111	2121008220	Nguyễn Võ Hải	Yến	21DLG1	3,39	84,00	34	Giỏi	
112	2121008367	Huỳnh Lê Khánh	Như	21DLG1	3,38	91,00	40	Giỏi	
113	2121008092	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	21DLG1	3,37	92,00	34	Giỏi	
114	2121008117	Vũ Ngọc Vân	My	21DLG1	3,36	91,00	37	Giỏi	
115	2121012178	Lâm Nhật	Linh	21DLG1	3,33	83,67	37	Giỏi	
116	2121008320	Hồ Như	Lai	21DLG1	3,31	86,00	37	Giỏi	
117	2121008047	Nguyễn Thị Đỗ	Quyên	21DLG1	3,30	86,67	40	Giỏi	
118	2121008175	Nguyễn Thu	An	21DLG1	3,28	80,67	40	Giỏi	
119	2121008147	Đỗ Thị Mỹ	Oanh	21DLG1	3,22	87,67	37	Giỏi	
120	2121013018	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	21DLG1	3,20	92,00	40	Giỏi	
121	2121007984	Phạm Minh	Thùy	21DLG2	3,60	82,00	40	Giỏi	
122	2121002129	Phạm Thị Kim	Thoa	21DLG2	3,57	91,00	38	Giỏi	
123	2121012882	Tổng Quỳnh	Chi	21DLG2	3,54	84,00	37	Giỏi	
124	2121013212	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	21DLG2	3,52	92,00	40	Giỏi	
125	2121008293	Lương Ngọc Thủy	Cúc	21DLG2	3,47	92,00	34	Giỏi	
126	2121008296	Trần Thị Ngọc	Yến	21DLG2	3,46	88,67	34	Giỏi	
127	2121002151	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	21DLG2	3,45	91,00	38	Giỏi	
128	2121008234	Nguyễn Đoàn Mai	Ry	21DLG2	3,39	92,00	38	Giỏi	
129	2121013759	Thái Thị Yến	Linh	21DLG2	3,34	92,00	40	Giỏi	
130	2121008200	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	21DLG2	3,31	96,33	37	Giỏi	
131	2121012185	Lê Thị Thùy	Linh	21DLG2	3,30	91,67	40	Giỏi	
132	2121013409	Nguyễn Thị Thu	Hường	21DLG2	3,29	89,33	37	Giỏi	
133	2121008080	Nguyễn Ngọc	Trần	21DLG2	3,27	87,67	34	Giỏi	
134	2121008264	Nguyễn Thị Hồng	Phương	21DLG2	3,26	93,00	37	Giỏi	
135	2121012623	Phạm Thị Thanh	Ngân	21DLG2	3,22	82,33	37	Giỏi	
136	2121008345	Trần Dương Bảo	Đăng	21DTM1	3,62	92,00	34	Xuất sắc	
137	2121013825	Dương Thị Mỹ	Linh	21DTM1	3,66	87,00	40	Giỏi	
138	2121012236	Nguyễn Thị Hoàng	Thơ	21DTM1	3,47	83,00	40	Giỏi	
139	2121008119	Nguyễn Thị Kiều	My	21DTM1	3,42	87,67	40	Giỏi	
140	2121008140	Nguyễn Thị Ngọc	Trăm	21DTM1	3,29	89,33	34	Giỏi	
141	2121008202	Trần Thị Tiểu	Tình	21DTM2	3,64	92,00	34	Xuất sắc	
142	2121008070	Phạm Nguyễn Huỳnh	Như	21DTM2	3,70	89,33	40	Giỏi	
143	2121008385	Trần Ngọc Ánh	Linh	21DTM2	3,56	92,00	34	Giỏi	
144	2121008349	Lê Thị Tường	Vi	21DTM2	3,36	87,00	37	Giỏi	
145	2121002127	Nguyễn Trọng	Khải	21DTM2	3,29	82,33	37	Giỏi	
146	2121008052	Mai Thúy	Ngân	21DTM2	3,28	91,00	37	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
147	2121013260	Nguyễn Thúy	Nga	21DTM2	3,26	92,00	40	Giỏi	
148	2121008179	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	21DTM2	3,25	91,00	37	Giỏi	
149	2121008082	Lâm Quốc	Hiếu	21DTM2	3,22	91,00	37	Giỏi	
150	2121010082	Trịnh Minh	Mẫn	CLC_21DTM01	3,69	87,67	41	Giỏi	
151	2121004304	Nguyễn Thanh Hằng	Nga	CLC_21DTM01	3,40	90,00	38	Giỏi	
152	2121004000	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	CLC_21DTM01	3,40	89,33	41	Giỏi	
153	2121004120	Nguyễn Thị Châu	Thủy	CLC_21DTM01	3,27	80,33	38	Giỏi	
154	2121004378	Dương Thành	Long	CLC_21DTM01	3,25	90,00	38	Giỏi	
155	2121004289	Trần Khánh	Vân	CLC_21DTM01	3,25	90,00	38	Giỏi	
156	2121004401	Bùi Ngọc Trà	My	CLC_21DTM01	3,21	82,67	38	Giỏi	
157	2121004176	Nguyễn Phương	Thủy	CLC_21DTM02	3,80	93,00	38	Xuất sắc	
158	2121004087	Phan Trần Bảo	Hân	CLC_21DTM02	3,54	90,00	35	Giỏi	
159	2121004250	Bành Nguyễn Ngọc	Hân	CLC_21DTM02	3,52	86,67	38	Giỏi	
160	2121004017	Nguyễn Đoàn	Trình	CLC_21DTM02	3,49	89,33	38	Giỏi	
161	2121000555	Hoàng Lê Thanh	Vy	CLC_21DTM02	3,41	92,00	38	Giỏi	
162	2121004336	Lê Nguyễn Tiến	Đạt	CLC_21DTM02	3,41	91,67	38	Giỏi	
163	2121003993	Trần Như	Quỳnh	CLC_21DTM02	3,26	83,67	38	Giỏi	
164	2121004010	Đặng Thị Hồng	Thắm	CLC_21DTM02	3,24	87,33	38	Giỏi	
165	2121004024	Trương Tấn	Lợi	CLC_21DTM03	3,74	95,00	38	Xuất sắc	
166	2121004404	Bùi Mai	Thị	CLC_21DTM03	3,56	92,00	38	Giỏi	
167	2121000616	La Gia	Phụng	CLC_21DTM03	3,51	89,33	38	Giỏi	
168	2121010087	Tổng Đoàn Gia	Bảo	CLC_21DTM03	3,48	90,67	38	Giỏi	
169	2121004008	Lê Đỗ Tường	Vy	CLC_21DTM03	3,42	95,00	38	Giỏi	
170	2121004202	Dương Thị Trúc	Mai	CLC_21DTM03	3,42	89,67	38	Giỏi	
171	2121010080	Nguyễn Tấn	Thiện	CLC_21DTM03	3,41	88,33	38	Giỏi	
172	2121010039	Võ Bá	Thuận	CLC_21DTM03	3,39	90,67	38	Giỏi	
173	2121000618	Nguyễn Trần Thảo	Tâm	CLC_21DTM03	3,25	88,67	38	Giỏi	
174	2121000607	Bùi Nguyễn Trọng	Nhân	CLC_21DTM03	3,22	83,67	38	Giỏi	
175	2121000695	Nguyễn Thành	Luân	CLC_21DTM04	3,67	91,00	38	Xuất sắc	
176	2121004188	Nguyễn Văn	An	CLC_21DTM04	3,49	85,00	38	Giỏi	
177	2121004249	Lê Đào Như	Ý	CLC_21DTM04	3,48	90,67	38	Giỏi	
178	2121004156	Nguyễn Ngọc Bảo	Kim	CLC_21DTM04	3,45	90,33	38	Giỏi	
179	2121004168	Tổng Thảo	Nhi	CLC_21DTM04	3,31	88,00	38	Giỏi	
180	2121004043	Nguyễn Thanh	Tuấn	CLC_21DTM04	3,28	92,67	35	Giỏi	
181	2121000592	Dương Bảo	Khánh	CLC_21DTM04	3,23	84,00	38	Giỏi	
182	2121004217	Huỳnh Phương	Huyền	CLC_21DTM04	3,22	92,00	38	Giỏi	
183	2121011931	Võ Ngọc Phương	Uyên	CLC_21DTM05	3,59	90,33	38	Giỏi	
184	2121004346	Lê Thị Thùy	Dương	CLC_21DTM05	3,42	92,67	38	Giỏi	
185	2121013279	Nguyễn Thị Phương	Thảo	CLC_21DTM05	3,41	94,33	38	Giỏi	
186	2121011776	Trần Hồng Anh	Thy	CLC_21DTM05	3,34	92,00	34	Giỏi	
187	2121003978	Hà Thị Dương	Ngọc	CLC_21DTM05	3,33	88,00	38	Giỏi	
188	2121004140	Hồ Ngọc Phương	Uyên	CLC_21DTM05	3,32	88,67	38	Giỏi	
189	2121004364	Phan Hữu	Thành	CLC_21DTM05	3,21	91,33	38	Giỏi	
190	2121010706	Nguyễn Lai Thư	Bình	CLC_21DTM06	3,59	84,33	38	Giỏi	
191	2121011041	Võ Thành	Lợi	CLC_21DTM06	3,47	96,67	38	Giỏi	

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	Điểm HT	Điểm RL	Số TC	Xếp Loại	Ghi chú
192	2121002134	Lê Nguyễn Anh	Thư	CLC_21DTM06	3,42	86,33	38	Giỏi	
193	2121011540	Mai Trần Thảo	My	CLC_21DTM06	3,26	87,33	38	Giỏi	
194	2121011668	Nguyễn Hồng Như	Bình	CLC_21DTM06	3,24	92,33	38	Giỏi	
195	2121011777	Trần Khánh	Thy	CLC_21DTM07	3,51	92,00	38	Giỏi	
196	2121012033	Phạm Trung	Trực	CLC_21DTM07	3,47	89,33	38	Giỏi	
197	2121013139	Trần Đức	Trung	CLC_21DTM07	3,31	88,67	38	Giỏi	
198	2121013805	Nguyễn Thị Trúc	Mai	CLC_21DTM07	3,29	91,33	38	Giỏi	
199	2121013512	Phạm Thị Hồng	Ánh	CLC_21DTM08	3,54	90,33	35	Giỏi	
200	2121011565	Chế Anh	Kiệt	CLC_21DTM08	3,52	91,00	38	Giỏi	
201	2121011748	Đỗ Thái Huy	Khang	CLC_21DTM08	3,46	91,00	38	Giỏi	
202	2121011681	Lê Gia	Bảo	CLC_21DTM08	3,36	91,00	40	Giỏi	
203	2121013585	Lê Hà Thục	Anh	CLC_21DTM08	3,31	88,33	40	Giỏi	
204	2121013420	Huỳnh Thị Tuyết	Hương	CLC_21DTM08	3,27	87,67	38	Giỏi	
205	2121013066	Nguyễn Anh	Vy	CLC_21DTM08	3,25	88,33	38	Giỏi	
206	2121012738	Trần Thị Thanh	Trà	CLC_21DTM08	3,21	91,33	40	Giỏi	
207	2121013402	Phan Việt	Hung	CLC_21DTM09	3,59	91,33	38	Giỏi	
208	2121012128	Võ Hà Thanh	Tuyền	CLC_21DTM09	3,54	92,00	38	Giỏi	
209	2121012438	Hoàng Đức	Nam	CLC_21DTM09	3,45	91,00	42	Giỏi	
210	2121012958	Bùi Tiến	Đạt	CLC_21DTM09	3,33	89,33	38	Giỏi	
211	2121012994	Nguyễn Nhật	Thịnh	CLC_21DTM09	3,24	87,00	38	Giỏi	
	Cộng	211							
XII	Viện Đào tạo Quốc tế								
1	2021009210	Phạm Ngọc Hoàng	My	IP_20DKQ	3,75	89,00	44	Giỏi	
2	2021009203	Phạm Thị Thu	Hương	IP_20DKQ	3,65	88,33	44	Giỏi	
3	2021009195	Nguyễn Đặng Nhã	An	IP_20DKQ	3,50	85,33	44	Giỏi	
4	2021001323	Huỳnh Hiếu	Bội	IP_20DKQ	3,48	89,33	44	Giỏi	
5	2021009214	Đoàn Nguyễn Minh	Phương	IP_20DKQ	3,37	86,67	44	Giỏi	
6	2021008616	Hoàng Phương	Nhung	IP_20DMA	3,35	85,00	44	Giỏi	
7	2021008209	Nguyễn Ngọc	Mai	IP_20DQT	3,32	81,00	44	Giỏi	
8	2121012878	Lê Hiền Yến	Chi	IP_21DKQ01	3,24	83,00	47	Giỏi	
9	2121011755	Nguyễn Duy	Khang	IP_21DMA02	3,34	89,33	47	Giỏi	
10	2121013370	Trần Thành	Tiến	IP_21DMA03	3,48	82,67	47	Giỏi	
11	2121012208	Nguyễn Ngọc Trà	Mi	IP_21DMA03	3,23	87,00	47	Giỏi	
12	2121012839	Mai Quỳnh Đông	Nhi	IP_21DMA03	3,21	82,33	47	Giỏi	
13	2121009641	Trần Thanh Nhã	Trúc	IP_21DQT01	3,24	81,67	47	Giỏi	
	Cộng	13							
	Tổng cộng:	1264	Sinh viên						

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Thái T Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

TS. Lê Trung Đạo

